

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao gói thầu gây mê hồi sức năm 2026 - 2027 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2026 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức)

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 27/4/2026

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online tại địa chỉ: <https://bvdaihoc.com.vn/dau-thau/thong-bao-moi-chao-gia> > chọn Thông báo mời chào giá của dự toán này > chọn “Gửi chào giá của nhà thầu”.

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị - Tổ Vật tư y tế tiêu hao, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Giám đốc (để báo cáo);

- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);

- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (02).

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY.....
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 Thông tin và số điện thoại người liên hệ:

Mẫu chào giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
 Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
 Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												CHỨNG MINH GIÁ			
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Tên cơ sở y tế	Số/ngày QĐ kết quả lựa chọn nhà thầu	Số Thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu (VND)

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)

PHỤ LỤC DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo phẫu thuật, cỡ 160 x 140 cm	<p>Áo phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước 160 x 140 cm - Các đường nối được ép chắc chắn - Có tối thiểu 2 khăn thấm, kích thước 40 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	102.000
2	Áo phẫu thuật, cỡ 150 x 130 cm	<p>Áo phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Kích thước 150 x 130 cm - Các đường nối được ép chắc chắn - Có tối thiểu 2 khăn thấm, kích thước 40 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	56.000
3	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, khoảng 75 - 85 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 75 - 85 mm - Điều chỉnh độ cao ghim sau đóng khác nhau khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên với 3 chiều cao ghim khác nhau từ 3 - 4 mm - Sử dụng được tối thiểu 8 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, khoảng 80 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	150

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ mở, 80 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ mở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 80 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mổ mở, khoảng 75 - 85 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	700
5	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, đầu móc, 30 mm, 45 mm, 60 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 30 mm, 45 mm, 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	300
6	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	2.800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim từ 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	56
8	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 45 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	250
9	Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động	<p>Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: - Cán dài khoảng 15 - 20 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	315

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, gấp góc đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 60 mm - gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế bằng ghim sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Có khả năng giữ mô bề mặt - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	170
11	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	700
12	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	1.700
13	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	250

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim + Chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	200
15	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động	<p>Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm - gấp góc 45 độ không khác mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	90
16	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, đầu móc, 30 mm, 45 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mở nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 30 mm, 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	120
18	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin, trong phẫu thuật nội soi	<p>Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc đa năng, dùng pin trong phẫu thuật nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm - Gập góc 45 độ mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ - Các bộ phận khác đi kèm phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Số lần sử dụng tối thiểu 150 lần (mỗi lần sử dụng nhiều băng ghim) - Tương thích với "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	3
19	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 45 mm - gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng đạn 360 độ, thay thế băng ghim sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - Sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Giữ mô bề mặt - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	30

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
20	Bảng đếm gạch phẫu thuật loại 10 túi	<p>Bảng đếm gạch phẫu thuật loại 10 túi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kiểm gồm 2 lớp: + Lớp phía trước: nylon, trong suốt và in các con số và các đường viền túi + Lớp phía sau: giấy chống thấm - Kích thước: + Bảng đếm gạch: * Chiều ngang 35 ± 01 cm * Chiều cao 85 ± 02 cm + Kích thước túi: * Chiều ngang 15 ± 01 cm * Chiều cao 12 ± 01 cm - Có tối thiểu 10 túi, 05 hàng, mỗi hàng 02 túi, chứa tối thiểu 10 miếng gạch - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	1.500
21	Bảng đếm gạch phẫu thuật loại 15 túi	<p>Bảng đếm gạch phẫu thuật loại 15 túi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kiểm gồm 2 lớp: + Lớp phía trước: nylon, trong suốt và in các con số và các đường viền túi + Lớp phía sau: giấy chống thấm - Kích thước: + Bảng đếm gạch: * Chiều ngang 50 ± 01 cm * Chiều cao 85 ± 02 cm + Kích thước túi: * Chiều ngang 15 ± 01 cm * Chiều cao 12 ± 01 cm - Có tối thiểu 15 túi, 05 hàng, mỗi hàng 03 túi, chứa tối thiểu 15 miếng gạch - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	2.500
22	Bao chỉ dưới co giãn	<p>Bao chỉ dưới co giãn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thun - Kích thước 15 cm x 140 cm (± 02 cm) - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	1.100
23	Bao chỉ trên co giãn	<p>Bao chỉ trên co giãn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thun - Kích thước 10 cm x 95 cm (± 02 cm) - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	2.100
24	Bao chụp đầu đèn	<p>Bao chụp đầu đèn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa trong suốt - Đường kính khoảng 60 - 65 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	10.500
25	Dụng cụ cắt bao quy đầu	<p>Dụng cụ cắt bao quy đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim và lưỡi dao tròn bằng thép không gỉ - Dạng súng ngắn (pistol) - Tay cầm linh hoạt làm bằng nhựa - Đầu chụp không có vòng silicon - Kích thước khoảng 12 - 36 mm (phải có 12 mm, 15 mm, 18 mm, 21 mm, 26 mm, 30 mm, 36 mm) - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 và chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	400

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	<p>Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lõi bằng Nitinol - Phủ lớp ưa nước (Hydrophilic) - Đường kính khoảng 0.025 - 0.035" - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, không bị gãy - Chiều dài đầu dây dẫn khoảng 3 - 5 cm - Có cản quang - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	2.400
27	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.032 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	<p>Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lõi bằng nitinol phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Phủ lớp ưa nước (hydrophilic) - Đường kính khoảng 0.032 - 0.035" - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Đầu dây dẫn mềm - Có cản quang - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	300
28	Dây dẫn đường trong phẫu thuật bằng chất PTFE, đường kính khoảng 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	<p>Dây dẫn đường trong phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PTFE, lõi bằng Nitinol - Phủ lớp ái nước (Hydrophilic) - Đường kính khoảng 0.025 - 0.035" - sọc màu xen kẽ chạy dài trên thân. - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, không bị gãy - Đầu dây dẫn mềm - Chiều dài đầu dây dẫn khoảng 3 - 5 cm - Có cản quang - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	200
29	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.032 - 0.035", đầu dây dẫn mềm thân cứng	<p>Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu lõi: Nitinol hoặc Thép không gỉ - Lớp phủ bề mặt: Ưa nước hoặc PTFE - Đầu dây dẫn: mềm, linh hoạt, chiều dài khoảng 3 - 5 cm - sọc màu chạy dài trên thân, - Đường kính khoảng 0.032 - 0.035" - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, chống gập gãy - Có cản quang - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	Lưới điều trị sa bộ phận vùng chậu, polyvinylidene fluoride, 03cm x 15cm	Mảnh ghép điều trị sa tạng chậu trong phẫu thuật nội soi, cố định sàn chậu vào dây chằng chậu lược - Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: 03 x 15cm - Chống rách dây chuyên, ổn định hình dạng - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016	miếng	8
31	Lưới điều trị sa bộ phận vùng chậu polyvinylidene fluoride, 04cm x 23cm	Mảnh ghép điều trị sa tạng chậu theo phương pháp phẫu thuật nội soi/mổ hở - Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: 04 x 23cm - Chống rách dây chuyên, ổn định hình dạng - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016	miếng	8
32	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước thân giữa khoảng (5 - 6) x (7 - 9) cm, có 6 nhánh - Trọng lượng khoảng 20 - 25 g/m ² - Cấu tạo độ xốp trung bình khoảng 58 - 60% - Kích thước lỗ lưới khoảng (1.1 - 1.2) x (0.6 - 0.9) mm - Lực kéo sợi lưới > 72 N - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Miếng	20
33	Lưới điều trị tiểu không kiểm soát	Lưới điều trị tiểu không kiểm soát - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: ngang khoảng 01 - 02 cm, dọc khoảng 45 - 50 cm - Cấu trúc dệt vuông, bo viền - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
34	Lưới điều trị sa sinh dục	Lưới điều trị sa sinh dục qua ngã âm đạo - Chất liệu: polypropylene - Trọng lượng nhẹ ≤ 21 g/m ² - Độ xốp ≥ 93%, mắt lưới với cấu trúc lục giác - Kích thước khe hở các sợi đan khoảng 100 - 150 μm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	8
35	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xốp khoảng 90 - 93%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylen - Trọng lượng khoảng 20 - 22 mg/m ² - Cấu tạo độ xốp trung bình khoảng 90 - 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác, kích thước khe hở các sợi đan khoảng 100 - 150 μm - Lực kéo sợi lưới ≥ 16 N/ cm - Độ bền tối ưu 113 N - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Kim tiêm bàng quang 4 - 5 Fr, dài khoảng 35 ± 02 cm	Kim tiêm bàng quang - Đường kính 4 - 5 Fr - Chiều dài 35 ± 02 cm - Đầu kim điều chỉnh được 0, 2, 3, 4 và 5 mm - Chứng nhận ISO 13485:2016	cái	5
37	Tấm nâng dùng trong phẫu thuật tạo hình vú sau đoạn nhũ 15 x 22 cm	Tấm nâng dùng trong phẫu thuật tạo hình vú sau đoạn nhũ - Chất liệu: Polypropylene phủ Titan-dioxide - Kích thước 15 x 22 cm - Trọng lượng 45 - 47g/m ² , kích thước lỗ lưới 3.0 x 2.8 mm - Độ dày 0.61 ± 0.10 mm - Đạt chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016	miếng	9
38	Tấm nâng dùng trong phẫu thuật tạo hình vú sau đoạn nhũ 17 x 23 cm	Tấm nâng dùng trong phẫu thuật tạo hình vú sau đoạn nhũ - Chất liệu: Polypropylene phủ Titan-dioxide - Kích thước 17 x 23 cm - Trọng lượng 45 - 47g/m ² , kích thước lỗ lưới 3.0 x 2.8 mm - Độ dày 0.61 ± 0.10 mm - Đạt chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016	miếng	8
39	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, 12-0, dài ≥ 7 cm, 1 kim, dài 2.5 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 12-0, dài ≥ 7 cm - 1 kim tròn, bằng thép không gỉ, dài 2.5 mm, 3/8 C, đường kính kim 50 μm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận ISO 13485:2016	tép	48
40	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, 10-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 10-0, dài ≥ 15 cm - 1 kim tròn, bằng thép không gỉ, dài 3 mm, 3/8 C, đường kính kim 80 μm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận ISO 13485:2016	tép	36
41	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, 11-0, dài ≥ 7 cm, 1 kim, dài 3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 11-0, dài ≥ 7 cm - 1 kim tròn, bằng thép không gỉ, dài 3 mm, 3/8 C, đường kính kim 65 μm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận ISO 13485:2016	tép	36
42	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, 9-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 4 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 9-0, dài ≥ 15 cm - 1 kim tròn, bằng thép không gỉ, dài 4 mm, 3/8 C, đường kính kim 100 μm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận ISO 13485:2016	tép	36

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
43	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ đường kính 34 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghim bằng titanium - Đường kính 34 mm - Đường kính lòng cắt 23 mm - Chiều cao ghim mở 3.5 mm - Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được khoảng 0.75 mm - 1.5 mm - ≥ 3 hàng ghim - Số lượng ghim ≥ 48 - Thể tích buồng chứa 14cc - Kèm: ống nong hậu môn, chỉ polypropylene số 0 dài 90 cm, 2 kim, 1/2 C, 26 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	500
44	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ, đường kính 33, 34, 36 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghim bằng Titanium - Đường kính 33, 34 và 36 mm - Đường kính lòng cắt khoảng 24 - 27 mm - Số lượng ghim ≥ 32 mm - Chiều cao ghim mở 4.0 mm, chiều cao ghim đóng khoảng 0,75 mm - 1,5 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	100
45	Dụng cụ khâu cắt nối vòng tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	<p>Dụng cụ khâu nối vòng, tự động phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều cao ghim khoảng 3.3 - 3.7 mm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim khoảng 32 - 34 mm - Đe tháo rời - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	680
46	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi	<p>Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong điều trị trĩ và sa trực tràng kiểu túi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều cao ghim khoảng 4 - 4.5 mm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim khoảng 32 - 34 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ, đường kính 33, 34mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật khâu cắt trĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghim bằng Titanium - Đường kính 33 và 34 mm, buồng chứa dịch trong suốt, thể tích buồng chứa mô lớn đến 27 ml - Đường kính lòng 26 mm - Số lượng ghim ≥ 34 ghim - Chiều cao ghim mở 3.8 mm, chiều cao ghim đóng khoảng 0.75 - 1.5 mm - Các bộ phận đi kèm: 01 ống nong hình tròn và 01 ống nong hình cánh bướm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận FDA 510(k) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	500
48	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 5 - 7.5 Fr	<p>Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: buồng bằng kim loại, màng vách ngăn bằng - Ống thông: nhựa Polyurethane, được đánh dấu cân quang - Kích cỡ khoảng 5 - 7.5 Fr (tối thiểu có cỡ 5, 6.6, 7.5 Fr) - Đường kính ngoài khoảng 1.75 - 2.50 mm - Đường kính trong khoảng 1.05 - 1.15 mm - Dung tích ≤ 0.5 ml - Trọng lượng khoảng 12 - 12.5 g - Chiều dài khoảng 70 - 72 cm - Chịu được áp lực tối đa: 300 psi/20.6 bar - Bộ phụ kiện đi kèm: 01 ống thông, 01 khóa, 01 Kim đầu tù, 01 dụng cụ nâng tĩnh mạch, 01 ống tiêm, 01 kim dẫn đường có nong, 01 dây dẫn, 01 dụng cụ tạo đường hầm. - Tương thích chụp cộng hưởng từ MRI lên đến 3.0 Tesla - Tiết khuẩn - Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	20
49	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 6.5 - 8.5 Fr	<p>Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Poly Ether Ether Ketone (PEEK) và Titanium, không chứa Latex, DEHP và PVC - Ống thông bằng Silicone hoặc PUR dài khoảng 500 - 510 mm được đánh dấu bằng laser mỗi cm - Đường kính ngoài 6.5 - 8.5 Fr - Đường kính trong 1.1 - 1.6 mm - Chịu được truyền áp lực cao khoảng 22 - 23 bar - Trọng lượng tối đa 5g - Thể tích tối thiểu 0.3 ml - Lưu lượng khoảng 10 - 12 ml/phút đối với kim 22 G và khoảng 26 - 48 ml/phút với kim 19 G - Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	60

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 6 - 7 Fr	<p>Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Kích cỡ khoảng 6 - 7 Fr - Chiều cao khoảng 8 - 12 mm - Trọng lượng khoảng 2 - 5 g - Thể tích tối đa 0.5 ml - Áp suất tối đa 325 psi - Chiều dài catheter 60 ± 01 cm - Tương thích môi trường MRI và CT - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	100
51	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 7 - 8 Fr	<p>Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng titanium - Chiều cao khoảng 11 - 12 mm - Catheter cỡ khoảng 7 - 8 Fr, bằng silicon, đầu đóng van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn - Chụp được dưới CT và MRI - Thời gian súc rửa tối thiểu 90 ngày - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	70
52	Bóng nong dùng trong nội soi tiêu hóa, chiều dài 100 ± 1 mm	<p>Bóng nong dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính bóng khoảng 30 - 35 mm (tối thiểu phải có 30 mm, 35 mm) - Chiều dài bóng 100 ± 1 mm - Đường kính dây dẫn bóng ≥ 14 Fr - Chiều dài làm việc tối thiểu 900 mm - Tích hợp dây dẫn ≥ 0.035" - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	cái	4
53	Bóng nong dùng trong nội soi tiêu hóa, chiều dài 55 ± 1 mm	<p>Bóng nong dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính bóng khoảng 6 - 20 mm (tối thiểu phải có 18 mm, 19 mm, 20 mm) - Chiều dài bóng 55 ± 1 mm - Đường kính ngoài của catheter ≥ 7 Fr - Áp suất tối đa 145/10 (psi/atm) - Tích hợp dây dẫn ≤ 0.035" - Các điểm đánh dấu cảng quang ở đầu bóng và cuối bóng - Chiều dài dụng cụ ≥ 230 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	15

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	<p>Bộ thắt tĩnh mạch thực quản gồm tay cầm và đầu thắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm có đầu nổi rìa - Đầu thắt bằng silicon: + Chất liệu vòng thắt không mú cao su + Có tối thiểu 6 vòng thắt + Trong suốt + Chiều dài chỉ kéo có cả hai loại kích thước 145 cm và 190 cm + Đường kính đầu thắt khoảng 8.8 - 9.8 mm + Tương thích đầu ống soi khoảng 9.4 - 14 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	cái	420
55	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	<p>Đầu thắt tĩnh mạch thực quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu cao su - Đầu thắt trong suốt - Có tối thiểu 6 vòng thắt - Có 02 dây kéo dài ≤ 142 cm - Đường kính trong đầu thắt ≥ 9 Fr - Tương thích đầu ống soi khoảng 8 - 12 mm <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	bộ	110
56	Dụng cụ thắt polyp dùng trong nội soi tiêu hóa, đường kính khoảng 15 - 20 mm	<p>Dụng cụ thắt polyp dùng để cầm máu trước thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nylon - Tay cầm nhựa - Lọng thắt có đường kính khoảng 15 - 20 mm (tối thiểu phải có 15, 20 mm) - Chiều dài làm việc khoảng 1650 - 1950 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 	cái	40
57	Dụng cụ thắt polyp dùng trong nội soi tiêu hóa, đường kính 30 ± 2 mm	<p>Dụng cụ thắt polyp dùng để cầm máu trước thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nylon - Tay cầm nhựa - Lọng thắt có đường kính 30 ± 2 mm - Chiều dài làm việc ≥ 2200 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
58	Kèm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa, chiều dài tối thiểu 230 cm	Kèm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu thép không rỉ - Chiều dài tối thiểu 230 cm - Chiều dài ngàm tối thiểu 2.9 mm - Độ mở ngàm tối thiểu 6.7 mm - Tay cầm công thái học 3 vòng bằng nhựa, tay cầm bọc cao su mềm, chống trượt, có khe rãnh - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	35.000
59	Kèm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa, chiều dài khoảng 150 - 230 cm	Kèm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài khoảng 150 - 230 cm - Hình dạng miệng kèm Oval - Miệng kèm có 2 kiểu: Dạng lưới phẳng hoặc dạng có răng - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7	Cái	162.000
60	Kèm gấp dị vật, ngàm răng cá sấu	Kèm gấp dị vật ngàm cá sấu dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu ngàm bằng thép không gỉ - Đường kính thân $2.3 \text{ mm} \pm 01 \text{ mm}$ - Độ mở ngàm $8.1 \text{ mm} \pm 01 \text{ mm}$ - Chiều dài làm việc 1800 - 2300 mm - kèm tích hợp tay cầm nhựa, ngàm răng cá sấu - Tay cầm 3 vòng, dạng trượt - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	30

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Kềm gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Kềm gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ngàm bằng thép không gỉ - Đường kính thân 2.3 mm ± 0.1 mm - Độ mở ngàm 8.1 mm ± 0.1 mm - Chiều dài làm việc khoảng 1800 - 2300 mm - Kềm tích hợp tay cầm nhựa, ngàm răng chuốt kết hợp răng cá sấu - Tay cầm 3 vòng, dạng trượt - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	70
62	Thùng lọng cắt polyp hình oval	<p>Thùng lọng cắt polyp hình oval dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc khoảng 2250 - 2350 mm - Đường kính lọng có độ mở tối đa 15 - 25 mm (tối thiểu phải có 15, 25 mm) - Độ dày của dây lọng thắt ≤ 0.47 mm - Tích hợp tay cầm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	cái	2.000
63	Thùng lọng cắt polyp, xoay được	<p>Thùng lọng cắt polyp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm công thái học 3 vòng - Xoay được - Hình dạng lục giác và hình tròn - 1 Thùng lọng mở được 3 kích thước (tối thiểu có 10, 20, 30 mm) - Dạng bện - Dây lọng có kích thước tối đa 0.23 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Chiều dài làm việc tối thiểu 2300 mm - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	610

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
64	Ngáng miệng	<p>Ngáng miệng sử dụng cho người lớn, trẻ em trong nội soi tiêu hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước bên trong: 21 x 26 mm ± (01 mm), 13mm x 20mm ± (01 mm) - Dây đeo không chứa latex - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	cái	40.000
65	Ngáng miệng sử dụng cho người lớn	<p>Ngáng miệng sử dụng cho người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa PP (Polypropylene) nguyên sinh trong suốt - Kích thước bên ngoài: 48 x 96 mm (± 01 mm) - Kích thước bên trong: 19 x 22 mm (± 01 mm) - Chất liệu dây giữ: Dây thun hoặc cao su - Chiều dài dây giữ ≥ 50 cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 	Cái	150.000
66	Kẹp cầm máu xoay 2 chiều dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Kẹp cầm máu xoay 2 chiều dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ mở của kẹp khoảng 11 - 15 mm - Chiều dài làm việc khoảng 2100 ± 200 mm - Đường kính thân khoảng 2.6 ± 0.1 mm - Chiều dài ngàm đơn khoảng 11.2 ± 1.5 mm - Chiều dài chui khoảng 8.1 ± 2 mm - Cấu tạo góc của răng ≥ 135° - Xoay được 360 độ theo 2 chiều - Chiều dài tổng kẹp khi đóng và rời khỏi thân kẹp 14.4 ± 1 mm - Có lớp phủ bên ngoài toàn bộ thân kẹp giảm ma sát bảo vệ kênh dụng cụ của ống soi - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 	cái	5.000
67	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ mở ngàm khoảng 4 - 6.5 mm (tối thiểu phải có 4, 5, 6.5 mm) - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	10

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Kẹp cầm máu sử dụng 1 lần dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Kẹp cầm máu dùng một lần trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không rỉ - Cấu trúc rãnh trượt được giữ bằng chốt ở đầu - Độ mở kẹp ≥ 16 mm - Sau khi bắn kẹp ra, tổng độ dài phần ngàm và phần chân kẹp là 13.3 ± 1 mm, độ dài phần chân kẹp khoảng 5 - 6 mm - Đường kính ngoài tối đa 2.6 mm - Chiều dài tối thiểu 2300 mm - Đóng mở ≥ 5 lần - Chụp được dưới cộng hưởng từ - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tay cầm chất liệu nhựa - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	7.600
69	Kẹp cầm máu ngàm đôi	<p>Kẹp cầm máu ngàm đôi, sử dụng 1 lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẹp có trụ trung tâm, hai bên là hai ngàm hoạt động độc lập - Kẹp có độ mở tối đa 15 mm - Chiều dài làm việc ≥ 160 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	20
70	Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	<p>Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Nitinol - Bao gồm bộ tay quay bung kẹp, cáp chụp ống soi và bung bằng sợi chỉ - Đường kính nắp chụp khoảng 11 - 14 mm (tối thiểu phải có 11 mm, 14 mm) - Độ sâu nắp chụp ≤ 06 mm - Chiều dài kẹp khoảng 09 - 11 mm (tối thiểu phải có 09 mm, 11 mm) - Tổng chiều dài ≥ 160 cm - Hình dạng răng ≥ 3 hình dạng - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	18

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
71	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ	<p>Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rọ có 4 dây tích hợp tay cầm, cấu tạo đầu rọ có núm hình viên đạn - Chiều dài làm việc tối thiểu 1900 mm - Đường kính rọ ≥ 22 mm - Có kênh riêng cho dây dẫn hướng khoảng 0.025 - 0.035" - Có kênh bơm tưới rửa hoặc thuốc cản quang - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <p>+ ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p> <p>+ Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	cái	2
72	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được	<p>Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ và ống tụy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rọ có 4 dây tích hợp tay cầm, cấu tạo đầu rọ có núm hình viên đạn, xoay được - Chiều dài làm việc tối thiểu 1900 mm - Đường kính rọ ≥ 22 mm - Có kênh bơm tưới rửa hoặc bơm thuốc cản quang - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm -Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <p>+ ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p> <p>+ Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	3
73	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 2.5 Fr	<p>Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Kích cỡ 2.5 Fr - Chiều dài dây ≥ 120 cm - Đường kính mở rọ ≥ 15 mm - 4 dây, hình xoắn ốc - Tay cầm trượt, tháo lắp được - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	180
74	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 1.9 Fr	<p>Rọ lấy sỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Kích cỡ 1.9 Fr - Độ mở rọ khoảng 10 - 12 mm - 4 dây - Chiều dài khoảng 130 - 140 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
75	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 2.5 Fr, chiều dài khoảng 90 - 100 cm	Rọ lấy sỏi - Chất liệu: Nitinol - Kích cỡ: 2.5 Fr - Chiều dài dây khoảng 90 - 100 cm - Kích thước rọ: Đường kính mở rọ ≥ 12.5 mm, chiều dài rọ ≥ 25 mm - 4 dây xoắn ốc, đầu tip tròn 3 mm - Tay cầm: Dạng trượt, tháo lắp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	100
76	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 120 ngày, lực căng kéo nút thắt tối thiểu 16 N - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo kim ≥ 2750 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	196
77	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 120 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	636
78	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.61 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.078
79	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17 N, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 6 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	720

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
80	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglytone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglytone, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết thương còn 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 60 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.584
81	Bộ khăn phụ khoa âm đạo	<p>Bộ khăn phụ khoa âm đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMMS, tối thiểu ≥ 45 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. <p>Bộ khăn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước 165 x 200 cm, cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMMS tối thiểu 40 gsm) - Khăn phụ khoa có 2 phần: phần bụng và phần âm đạo + Phần bụng: màng phẫu thuật có kích thước 30 x 32 cm, Chất liệu Polyurethane mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật + Phần âm đạo gồm khăn có lỗ và túi chứa dịch + Khăn có lỗ: * Chất liệu khăn bằng vải không dệt y tế ≥ 5 lớp SMMMMS, tối thiểu ≥ 45 gsm * Kích thước khăn: - Chiều ngang phần trên (từ rốn lên đầu): 180 cm - Chiều ngang phần dưới (từ rốn trở xuống): 230 cm - Chiều dài toàn bộ khăn ≥ 260 cm * Có băng keo y tế không dính cố định xung quanh lỗ, đường kính lỗ khoảng 14 - 18 cm + Túi chứa dịch: * Chất liệu nhựa * Kích thước: 58 x 64 cm * Có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 02 Khăn thấm, kích thước: 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm ≥ 65 gsm - 01 Băng keo y tế cố định ống dây, kích thước 10 x 50 cm, chất liệu vải không dệt - Tất cả kích thước sai số cho phép ± 5% - Tiệt trùng bằng khí EO, EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	700
82	Gọng mũi CPAP	<p>Gọng mũi CPAP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Silicon - Đường kính khoảng 3 - 5 mm (tối thiểu phải có 3, 3.1, 3.7, 4.1, 4.75, 5, 5.5 mm) - Tương thích với van thở CPAP tại danh mục mời thầu - Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 và chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	95
83	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene, 10 x 15 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	<p>Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, có tính co giãn đa chiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Kích thước 10 x 15 cm - Có dây màu định hướng chiều của lưới - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	miếng	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Định hình lưới 3D - Đường kẻ định hình không gian: có - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	50
85	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene, 10 x 15 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, có tính co giãn đa chiều - Chất liệu polypropylene - Kích thước 10 x 15 cm - Kích thước lỗ khoảng 1 - 2 mm - Trọng lượng khoảng 30 - 70 g/m ² - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	70
86	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Định hình lưới 3D - Đường kẻ định hình không gian: có - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	200
87	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn bằng polypropylene, 15 x 15 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn - Chất liệu polypropylene - Kích thước 15 x 15 cm - Trọng lượng khoảng 30 - 50 g/m ² - Kích thước lỗ khoảng 1 - 2 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	80
88	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10 - 14 cm, dọc ≥ 15 cm - Trọng lượng khoảng 35 -70 g/m ² - Kích thước lỗ khoảng 1 - 3 mm hoặc diện tích lỗ khoảng 2 - 9 mm ² - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
89	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, chống dính, 15 x 20 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu: polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 15 x 20 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Chống dính 1 mặt - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	20
90	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, chống dính, 20 x 30 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 20 x 30 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Chống dính 1 mặt - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	5
91	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, chống dính, 30 x 30 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 30 x 30 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Chống dính 1 mặt - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	3
92	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, chống dính, hình tròn đường kính khoảng 10 - 12 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Hình tròn, đường kính khoảng 10 - 12 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Chống dính 1 mặt - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) (Châu Âu)	miếng	10
93	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20x30 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 20 x 30 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
94	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 15 x 20 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 15 x 20 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m ² - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	30
95	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 25 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 25 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m ² - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	15
96	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 30 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 30 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m ² - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	5
97	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 15 x 20 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu: polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 15 x 20 cm - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	30
98	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 25 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 25 cm - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	15

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
99	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, hình tròn đường kính khoảng 10 - 12 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Hình tròn, đường kính khoảng 10 - 12 cm - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	15
100	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 15 x 25 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 15 x 25 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	15
101	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20 x 30 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 20 x 30 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	5
102	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình tròn, 10 - 12 cm, kèm hệ thống định vị lưới	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình tròn - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước khoảng 10 - 12 cm - Trọng lượng khoảng 35-70 g/m ² - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Có hệ thống định vị - Dụng cụ đi kèm: dụng cụ định vị và bơm bóng - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	5
103	Dụng cụ rửa, hút dịch trong phẫu thuật nội soi loại có tích hợp điện cực	Dụng cụ rửa, hút dịch trong phẫu thuật nội soi loại có tích hợp điện cực - Gồm thân dụng cụ, tay cầm điều khiển, điện cực và cổng kết nối hút - rửa - Chiều dài dụng cụ (làm việc) khoảng 39 - 50 cm - Tay cầm dạng súng hoặc dạng thẳng, có hai phím điều khiển riêng biệt cho 2 chức năng hút và rửa - Điện cực có chức năng cắt hoặc cầm máu vết mổ - Đầu tip có cơ chế xoay, đổi chế độ hút hoặc rửa thành chế độ điện cực - Tiết khuẩn - Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chiếc	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
104	Trocar nhựa trong phẫu thuật nội soi có chức năng tự làm sạch, giảm mờ	<p>Trocar nhựa trong phẫu thuật nội soi có chức năng tự làm sạch, giảm mờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng lau, hấp hút mao dẫn, và hấp thụ bởi vòng chất liệu PVA (Polyvinyl Alcohol) - Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thân: chất liệu nhựa trong, có rãnh cố định trên thành bụng + Kích thước ít nhất 4 cỡ 5 mm, 10 mm, 11 mm và 12 mm + Chiều dài làm việc khoảng 90 - 100 mm + Nòng: thép không gỉ, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ + Van chống xi khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	100
105	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5- 10 mm, dài 90 - 100 mm, có bóng cố định	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí, có bóng cố định * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính khoảng 5- 10 mm + Chiều dài làm việc khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xi khí: ≥ 2 mảnh - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	300
106	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính trong khoảng 5 - 6 mm, dài 90 - 100 mm	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong khoảng 5 - 6 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xi khí: ≥ 2 mảnh - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	1.500

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	500
108	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, chống mờ	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: * Chất liệu: chất liệu nhựa * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính khoảng 11 - 12 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: 4 mảnh, xếp chồng lên nhau. - Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn - Chống mờ: Có khả năng loại bỏ, thấm thấu, hấp thụ sạch dịch và các mảnh nhỏ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	500
109	Dụng cụ kẹp mạch máu nội soi có sẵn kẹp	<p>Dụng cụ kẹp mạch máu nội soi có sẵn kẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ bao gồm tay cầm, trục kèm và kẹp được nạp sẵn trong dụng cụ - Sử dụng được qua cổng trocar nội soi cỡ 5 mm - Chiều dài trục kèm khoảng 34 - 36 cm - Dụng cụ có kẹp được nạp sẵn với kích thước kẹp 4 - 9 mm - Số lượng kẹp nạp sẵn tối thiểu khoảng 20 kẹp - Ngàm mỏng - Dụng cụ xoay hoặc điều chỉnh hướng - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
110	Kẹp mạch máu cỡ lớn	<p>Kẹp mạch máu cỡ lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 10 - 10.5 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.5 mm - Tiệt khuẩn - Tương thích với kèm kẹp mã số 438110 (mỏ nội soi) và mã 437081 (mỏ hở) của hãng Teleflex tại Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	900
111	Kẹp mạch máu, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm	<p>Kẹp mạch cỡ lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 7 - 7.5 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tương thích với kèm kẹp mã số EL414 của hãng Ethicon tại Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	5.148
112	Stent kim loại đường mật, chuyên dùng cho hẹp chỗ nối sau ghép gan	<p>Stent kim loại đường mật, chuyên dùng cho hẹp chỗ nối sau ghép gan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Dấu cân quang bằng Platinum - Chiều dài stent khoảng 4 - 8 cm - Đường kính stent khoảng 6 - 10 mm - Chiều dài làm việc của bộ đặt khoảng 50 - 180 cm - Stent phủ toàn phần - Có tối thiểu 6 điểm cân quang - Hỗ trợ thu hồi stent khi cần - Stent được lắp sẵn trên hệ thống bộ đặt - Bộ đặt có đường kính khoảng 8.5 Fr – 9 Fr - Bộ đặt có dấu cân quang - Tương thích với dây dẫn can thiệp cỡ 0.035 inch - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	2
113	Chất làm đầy da dành cho vùng mặt	<p>Chất làm đầy da dành cho vùng mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: axit hyaluronic không liên kết chéo, trọng lượng phân tử cao (tối thiểu 2500 kDa), nồng độ 25mg/ml và các axit amin (L-proline, L-hydroxyproline, Glycine, L-lysine HCl) - Dạng gel, có khả năng phân hủy sinh học - Thể tích tối thiểu 2 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 30G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016 	Ống	180

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
114	Chất làm đầy phục hồi độ săn chắc và đều màu da	<p>Chất làm đầy phục hồi độ săn chắc và đều màu da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: 45mg Acid Hyaluronic trọng lượng phân tử cao, 45mg Acid Hyaluronic trọng lượng phân tử thấp, thành phần khác: natri clorua, natri photphat và nước - 2 kim thẳng, 21G và 23G, bằng thép không gỉ, đầu nhọn - 2 Kim thẳng, 22G và 25G bằng thép không gỉ, đầu tù - Dạng gel trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 2 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	180
115	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Hyaluronic Acid 25mg/ml, Hyaluronic Acid 25 mg/ml, 90% liên kết chéo	<p>Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic Acid 25mg/ml, bao gồm 90% liên kết chéo và 10% Hyaluronic Acid tự do - Dạng gel, trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Thể tích tối thiểu 1ml - Đi kèm: 2 kim thẳng, 27G hoặc 30G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	10
116	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Hyaluronic Acid 25 mg/ml, 93% liên kết chéo	<p>Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic Acid 25mg/ml, bao gồm 93% liên kết chéo và 7% Hyaluronic Acid tự do - Dạng gel, trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Thể tích tối thiểu 1ml - Đi kèm: 2 kim thẳng, 27G hoặc 30G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	10
117	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Polynucleotides, Hyaluronic Acid và Mannitol	<p>Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Polynucleotides 20mg/ống tiêm (10mg/ml), Hyaluronic acid 20mg (10mg/ml) và Mannitol 80mg (40mg/ml) - Dạng gel trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Thể tích tối thiểu 2ml - Đi kèm: 2 kim thẳng, 27G hoặc 30G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	10
118	Chất làm đầy nếp nhăn sâu, vùng môi và rãnh mũi má	<p>Chất làm đầy nếp nhăn sâu, môi và rãnh mũi má</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic Acid liên kết chéo 23 mg/ml Lidocaine hydrochloride 0,3%, Dung dịch đệm Phosphate pH 7.3 vừa đủ. - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	40

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
119	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông	<p>Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất Hyaluronic acid ổn định khoảng 16 - 17 mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1 ml - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 33G, bằng thép không gỉ, dài 4 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Óng	160
120	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da	<p>Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Óng	425
121	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu	<p>Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid tối thiểu 15 mg/ml không liên kết chéo, tối thiểu 0.3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 30G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Óng	370
122	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da	<p>Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Óng	210
123	Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da	<p>Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính 32 mg (H-HA) + 32 mg (L-HA) (\pm 01 mg) muối natri axit hyaluronic, thành phần khác: natri clorua, natri photphat và nước - Dạng gel trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 2 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Hộp	400

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
124	Chất làm đầy dùng cho vùng mắt	<p>Chất làm đầy dành cho vùng mắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml, Lidocain hydrochlorid tối thiểu 3 mg/ml, dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - Đi kèm: 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Thể tích tối thiểu 1ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	hộp	70
125	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da	<p>Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain hydrochlorid tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Đi kèm: 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	180
126	Kim dùng tiêm chất làm đầy, cỡ kim khoảng 23 - 25G, dài 50 ± 01 mm	<p>Kim dùng tiêm chất làm đầy</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, phủ silicon, có nắp đậy - Cỡ kim 23G, 25G, dài 50 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	650
127	Dụng cụ lọc khói dùng trong phẫu thuật nội soi	<p>Dụng cụ lọc khói sử dụng trong phẫu thuật nội soi, sử dụng để giảm khói phẫu thuật, mùi và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) phát sinh trong quá trình phẫu thuật nội soi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khóa kết nối tiêu chuẩn, tương thích với trocar nội soi. - Kết nối với hệ thống hút trong phẫu thuật nội soi. - Bao gồm hệ thống lọc nhiều lớp (tối thiểu 3 lớp) - Kích thước bộ lọc khoảng 80 mm x 40 mm x 23 mm (±10%). - Chiều dài dây/van kết nối khoảng 250 - 280 mm. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Chiếc	800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
128	Stent kim loại tá tràng, không phủ	<p>Stent kim loại tá tràng, không phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Stent có khả năng thu hồi hoặc điều chỉnh vị trí sau khi triển khai một phần ít nhất 60%. - Đường kính thân stent khoảng 20 - 30 mm. - Hai đầu stent loe, đường kính khoảng 25 - 35 mm. - Chiều dài stent khoảng 6 - 12 cm (có tối thiểu 6, 9, 12 cm) - Có tối thiểu 3 điểm cản quang - Stent được lắp sẵn trên hệ thống bộ đặt. - Bộ đặt có đường kính khoảng 8 - 10 Fr - Chiều dài bộ đặt khoảng 250 - 280 cm - Chiều dài làm việc khoảng 220 - 240 cm - Tương thích với dây dẫn can thiệp cỡ 0.035 inch - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	5
129	Keo sinh học vá mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đông máu thrombin, 10 ml	<p>Keo sinh học cầm máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hỗn hợp keo gelatin kết dính và chất tạo đông máu thrombin - Thể tích tối thiểu 10 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	bộ	200
130	Ống nội soi mềm, đường kính 3 - 3.5 mm, loại ngắn	<p>Ống nội soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vỏ bọc nhựa - Lõi bằng kim loại, kết cấu dễ dàng gấp góc, xoắn vặn - Chiều dài làm việc khoảng 500 - 550 mm - Đường kính ống soi khoảng 3 - 3.5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. - Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Có khả năng quan sát trong khoảng cách từ 3-100mm - Trường quan sát khoảng: 110 - 120 độ - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 2 đèn - Kết nối tương thích với các loại màn hình kích thước khác nhau - gấp góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 169 độ (+ 160), chiều xuống ít nhất 160 độ (-160) - Có nút khoá góc gấp ống soi hỗ trợ khi soi - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	80

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
131	Ống nội soi mềm, đường kính 2 - 2.5 mm	<p>Ống nội soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vỏ bọc nhựa - Đường kính ống soi khoảng 2 - 2.5 mm (7 - 8 Fr) - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm (3 - 4 Fr) - Độ phân giải 400 x 400 Pixels - gập góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 270 độ (+ 270), chiều xuống ít nhất 270 độ (-270) - Chiều dài làm việc khoảng 630 - 650 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	70
132	Ống soi mềm có tích hợp cổng hút	<p>Ống soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tích hợp cổng hút - Góc uốn: -285 độ đến +285 độ - Độ phân giải: HD - Nguồn sáng: Dual LED - Góc nhìn: 120 độ - Đường ngắm: 0 độ - Vòng quan sát được khoảng 3 - 50 mm - Đường kính của phần chèn khoảng 2.5 - 2.7 mm - Đường kính đầu xa 2.5 mm (7.5 Fr) - Chiều dài làm việc khoảng 650 - 700 mm - Tổng chiều dài khoảng 900 - 915 mm - Có tối thiểu 2 nút điều chỉnh trên tay cầm - Kênh làm việc 1.2 mm (3.6Fr) - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	30
133	Ống nội soi mềm, đường kính 2.5 - 3 mm	<p>Ống soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ống soi 2.5 - 3 mm (8 - 9 Fr) - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm (3 - 4 Fr) - gập góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 270 độ (+ 270), chiều xuống ít nhất 270 độ (-270) - Chiều dài làm việc 680 - 720 cm - Có chức năng xử lý phổ màu - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
134	Ống nội soi mềm, đường kính khoảng 5 - 5.5 mm	<p>Ống nội soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vỏ bọc nhựa - Lõi bằng kim loại, kết cấu dễ dàng gấp góc, xoắn vặn - Chiều dài làm việc khoảng 360 - 380 mm - Đường kính ống soi khoảng 5 - 5.5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 2.3 - 2.5 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels - Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Có khả năng quan sát trong khoảng cách từ 5 - 100 mm - Trường quan sát khoảng: 110 - 120 độ - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 3 đèn - Kết nối tương thích với các loại màn hình kích thước khác nhau - gấp góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 210 độ (+ 210), chiều xuống ít nhất 180 độ (-180) - Có nút khoá góc gấp ống soi hỗ trợ khi soi - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	ống	330
135	Ống nội soi mềm, đường kính 3 - 3.5 mm, loại dài	<p>Ống nội soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vỏ bọc nhựa - Lõi bằng kim loại, kết cấu dễ dàng gấp góc, xoắn vặn - Chiều dài làm việc khoảng 630 - 650 mm - Đường kính ống soi khoảng 3 - 3.5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. - Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Có khả năng quan sát trong khoảng cách từ 3 - 100 mm - Trường quan sát khoảng: 110 - 120 độ - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 2 đèn - Kết nối tương thích với các loại màn hình kích thước khác nhau - gấp góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 270 độ (+ 270), chiều xuống ít nhất 270 độ (-270) - Có nút khoá góc gấp ống soi hỗ trợ khi soi - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	80

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
136	Ống nội soi mềm, kích cỡ 6.3 Fr	<p>Ống soi mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc uốn: -285 độ đến +285 độ - Độ phân giải: 6.6 Lp/mm - Góc nhìn: 120 độ - Hướng nhìn: 0 - 10 độ - Vùng quan sát được khoảng 3 - 50 mm - Chiều dài làm việc khoảng 650 - 700 mm - Tổng chiều dài khoảng 900 - 950 mm - Đường kính đầu ống: 6.0 Fr - Đường kính tối đa 6.3 Fr - Đường kính kênh khoảng 3.5 - 3.6 Fr - Hệ thống chiếu sáng: Nguồn sáng LED 500 lux, nhiệt độ 3000K - Góc xoay trái - phải: 120 độ linh hoạt - Có tối thiểu 2 nút điều chỉnh trên tay cầm - Cần điều khiển tự khoá - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	30
137	Bộ khăn phẫu thuật điều trị suy tĩnh mạch	<p>Bộ khăn phẫu thuật điều trị suy tĩnh mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm * 1 Khăn lót chi dưới 140 x 160 cm * 1 Khăn phủ đầu 180 x 200 cm, vùng xung quanh phẫu trường kích thước 40 x 60 cm với chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 2 Khăn phủ bên 100 x 140 cm, vùng xung quanh phẫu trường kích thước 40 x 70 cm với chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 1 Khăn phủ chân 180 x 250 cm, vùng xung quanh phẫu trường kích thước 60 x 90 cm với chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 2 Khăn không keo vải bán thấm 35 x 40 cm * 1 Khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm * 2 Bao chi dưới 28 x 85 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	bộ	800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
138	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch	<p>Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dụng cụ bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, dài khoảng 40 ± 05 mm * Catheter bằng Polyetylen, cỡ 20G, dài khoảng 60 - 80 mm, catheter có cánh để cố định, có khóa luer lock. Catheter có dây nối dài tích hợp kèm khóa để hỗ trợ thao tác lấy mẫu máu * Dây dẫn đường bằng Nitinol, dài khoảng 300 - 400 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	bộ	500
139	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, catheter dài 80 ± 01 mm	<p>Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dụng cụ bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, dài 50 ± 01 mm * Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G, 22G, dài 80 ± 01 mm, catheter có cánh, có chỉ thị màu theo kích cỡ, có khóa luer lock. * Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 250 ± 10 mm, 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	9.300
140	Ống thông nội phế quản 2 nòng (trái, phải) loại 3 bóng, có khóa	<p>Ống thông nội phế quản 2 nòng (trái, phải) loại 3 bóng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Silicon, mềm - Kích cỡ 33, 35, 37, 39 Fr (trái, phải) - Đặc điểm: + Ống thông phế quản 2 nòng có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cản quang, có đánh số chiều dài. + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp + Bóng chèn phế quản có cản quang. + Có 3 bóng + Có mã hóa màu để phân biệt các loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: cây dẫn đường, co chữ Y kèm khóa, dây hút đàm vô khuẩn đóng gói riêng - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
141	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải)	<p>Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái, phải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), mềm, không latex - Kích cỡ: 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái và phải) - Đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống thông phế quản 2 nòng có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cản quang, có đánh số chiều dài + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp. Bóng chèn khí quản và phế quản mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Cây dẫn đường, co chữ Y + Dây hút đàm được đóng gói riêng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	370
142	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải) kèm khóa bấm	<p>Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng (trái, phải), kèm khóa bấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), phủ Silicon, mềm - Kích cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải) - Đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống thông phế quản 2 nòng có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cản quang, có đánh số chiều dài + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp. Bóng chèn khí quản và phế quản có mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Cây dẫn đường. + Co chữ Y kèm 2 khóa bấm khi cần cô lập từng bên phổi + Dây hút đàm vô khuẩn đóng gói riêng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	530
143	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn	<p>Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 7 - 7.3 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm - Kẹp hình chữ V - Tương thích với kèm kẹp mã số 338110 (mô nội soi) và mã 337081 (mô hở) của hãng Teleflex tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	900

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
144	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn, chiều cao kẹp khi mở 7.9 - 8 mm	Clip mạch máu: - Chất liệu titanium, loại trung bình - lớn - Chiều cao kẹp khi mở 7.9 - 8 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 9 - 9.1 mm - Cơ chế đóng 2 thì, đóng đầu clip trước, cấu tạo mặt trong có rãnh, tăng diện tích bề mặt tiếp xúc, chống trượt mô - Tương thích kèm kẹp mã PL503R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	4.273
145	Kẹp mạch máu chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 6 - 6.4 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm - Kẹp hình chữ V - Tương thích với kèm kẹp mã số EL314 của hãng Ethicon tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	24.264
146	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu hình thoi, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.56 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	444
147	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.56 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.624

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
148	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, đường kính ≤ 1.15mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2700 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	tép	1.100
149	Kẹp mạch máu, chất liệu polymer, cỡ 10 - 22 mm	<p>Kẹp mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polymer - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> * ML: chiều rộng clip khi mở 10 - 12 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 3 - 10 mm * L: chiều rộng clip khi mở 14 - 16 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 5 - 13 mm * XL: chiều rộng clip khi mở 20 - 22 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 7 - 16 mm - Có gai dọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn - Tương thích với kèm kẹp mã số 544170, 544180, 544191 hoặc 544965, 544995, 544990 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	cái	20.000
150	Kẹp mạch máu, chất liệu polymer	<p>Kẹp mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polymer - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> * ML: đường kính khoảng 10 - 11 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 3 - 10 mm * L: đường kính khoảng 14 - 15 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 5 - 13 mm * XL: đường kính khoảng 18 - 19 mm, kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 7 - 16 mm - Có gai dọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn - Tương thích với kèm kẹp mã số 544170, 544180, 544191 hoặc 544965, 544995, 544990 của hãng Weck tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	57.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
151	Keo dán da, 0.8 - 0.9 g	Keo dán da - Thành phần 100% 2-Octyl cyanoacrylate - Thời gian khô: ≤ 60 giây - Phản ứng tỏa nhiệt: thấp - Khối lượng khoảng 0.8 - 0.9 g - Hiệu quả kháng khuẩn: có khả năng tạo hàng rào chống vi khuẩn (Gram dương, Gram âm) và nấm trong khoảng 3 – 7 ngày - Lực đóng vết thương tối thiểu 9 N - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Ống	200
152	Keo dán da, 0.5 - 0.7 g	Keo dán da - Thành phần: khoảng 80 - 90% Butyl cyanoacrylate, 10 - 15% Octyl cyanoacrylate - Thời gian khô khoảng 10 – 30 giây - Phản ứng tỏa nhiệt: thấp. - Khối lượng khoảng 0.5 - 0.7 g - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Ống	200
153	Keo dán da, 2.5 - 2.7 g, kèm 1 miếng lưới	Keo dán da - Thành phần: Octyl-based cyanoacrylate - Thời gian khô khoảng ≤ 60 giây - Duy trì liên kết vết thương đến khoảng 14 ngày - Kháng khuẩn: Gram dương, Gram âm và nấm trong khoảng 3–7 ngày - Khối lượng khoảng 2.5 - 2.7 g - Kèm tấm lưới kích thước 22 x 4 cm (± 01 cm) - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Gói	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
154	Keo dán da, 2.5 - 2.7 g, kèm 2 miếng lưới	<p>Keo dán da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Octyl-based cyanoacrylate - Thời gian khô khoảng ≤ 60 giây - Duy trì liên kết vết thương đến khoảng 14 ngày - Kháng khuẩn: Gram dương, Gram âm và nấm trong khoảng 3 – 7 ngày - Khối lượng khoảng 2.5 - 2.7 g, 02 ống - Kèm 02 tấm lưới kích thước 22 x 4 cm (± 01 cm) - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Gói	100
155	Keo dán da, 0.6 - 0.7 ml	<p>Keo dán da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 2-octyl cyanoacrylate - Thể tích khoảng 0.6 - 0.7 ml - Lực giữ vết thương ≥ 230 mmHg - Ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ 99% trong 72 giờ, không cần băng gạc - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	ống	50
156	Keo dán da 0.5 ml	<p>Keo dán da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 2-octyl cyanoacrylate - Thể tích tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	lọ	1.720
157	Keo dán da, dán mô nội soi 0.5 ml	<p>Keo dán da, dán mô nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần N - butyl - 2 - cyano acrylate - Thể tích tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	lọ	780
158	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm, dài khoảng 35 - 55 cm	<p>Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ bọc 4 lớp: lớp trong bằng PTFE, lò xo thép không gỉ, Nylon, lớp ngoài được phủ lớp ưa nước - Kích cỡ khoảng 9 - 14 Fr (tối thiểu có cỡ 9.5, 10, 11, 12, 13, 14 Fr) - Chiều dài khoảng 35 - 55 cm (tối thiểu có cỡ 36, 40, 46, 50, 55 cm) - Đầu tip linh hoạt uốn cong 180 độ - 2 kênh trong suốt - Đóng gói từng cái - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	40

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
159	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm	<p>Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + vỏ ngoài: * Chất liệu bằng nylon - Phủ lớp ưa nước (hydrophilic) * Có 2 nhánh + Nòng: * Chất liệu bằng polyethylene * Bên trong tháo rời - Chiều dài khoảng 35 - 50 cm - Kích cỡ khoảng 10 - 12 Fr (tối thiểu phải có 11, 12 Fr) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	30
160	Ống dẫn lưu thận qua da, dài khoảng 25 - 35 cm	<p>Ống dẫn lưu thận qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane hoặc polyurethane, được phủ 1 lớp ái nước, cản quang - Đường kính khoảng 8 - 14 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12, 14 Fr) - Chiều dài khoảng 25 - 35 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ ≥ 2 mm, các lỗ dẫn lưu tập trung ở phần đầu uốn cong - Chiều dài đầu cong khoảng 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu uốn cong - Có đánh dấu chiều dài trên thân ống - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: bộ duỗi thẳng, ống nòng làm thẳng ống dẫn lưu - Tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.80 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	200
161	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa	<p>Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước khoảng 6 - 14 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12 Fr) - Chiều dài catheter khoảng 30 - 42 cm - Điểm đánh dấu cản quang được gắn trên thân ống, có tối thiểu 8 lỗ thoát dịch - Kích thước lỗ ≥ 2 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Đầu tip cong hình đuôi heo, đầu nhọn và lớp phủ ái nước. - Kèm: ống thông làm thẳng ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	72

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
162	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo	<p>Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyurethane - Có phủ lớp ái nước - Có vạch cân quang - Có ≥ 4 lỗ thoát - Kích thước lỗ ≥ 2 mm - Có khoá hình đuôi heo - Kích cỡ tối thiểu phải có 6, 8, 10, 12 Fr - Chiều dài khoảng 15 - 30 cm - Bộ phận đi kèm: 1 cannula kim loại, 1 cannula nhựa cứng, 1 kim trocar, 1 ống duỗi thẳng, 1 ống thông có khoá hình dạng đuôi heo. - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	30
163	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài khoảng 35 - 40 cm	<p>Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng polyurethane, cân quang - Đường kính tối thiểu phải có 8, 10, 12 Fr - Chiều dài khoảng 35 - 40 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 8, kích thước lỗ ≥ 2 mm - Chiều dài đầu cong khoảng 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu uốn cong - Tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.8 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: bộ dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	162
164	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài khoảng 30 - 32 cm	<p>Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane, được phủ 1 lớp ái nước, cân quang - Đường kính khoảng 8 - 16 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12, 14 Fr) - Chiều dài khoảng 30 - 32 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ ≥ 2 mm - Chiều dài đầu cong khoảng 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu uốn cong, dạng vòng kín - Có đánh dấu chiều dài trên thân ống - Tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.80 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: kim chọc, trocar, bộ duỗi thẳng - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	2.247

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
165	Tinh hoàn nhân tạo	<p>Tinh hoàn nhân tạo chứa dịch muối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ bằng silicone đàn hồi, dày khoảng 0,035'' - Có 1 mẫu nối để cố định vị trí tinh hoàn ở 1 đầu, đầu còn lại có vị trí tiêm nước muối (tự liền lại sau khi bơm) - Thể tích khoảng 7 - 20cc (tối thiểu có 7, 11, 16, 20cc) - Chiều dài khoảng 3 - 4.5 cm (tối thiểu có 3, 3.5, 4, 4.5 cm) - Chiều rộng khoảng 2.2 - 2.9 cm (tối thiểu có 2.2, 2.5, 2.7, 2.9 cm) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	bộ	30
166	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài khoảng 0.020 - 0.025"	<p>Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dây mềm dạng thẳng hoặc cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài khoảng 0.020 - 0.025" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước, dài ≥ 50 mm - Chiều dài có đánh dấu cản quang tính từ đoạn đầu khoảng 5 - 7 cm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7 	Cái	36
167	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài khoảng 0.030 - 0.035"	<p>Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dây mềm dạng thẳng hoặc cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài khoảng 0.030 - 0.035" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước, dài ≥ 50 mm - Chiều dài có đánh dấu cản quang tính từ đoạn đầu khoảng 5 - 7 cm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7 	Cái	50
168	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở	<p>Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được ≥ 80 lần - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện 	Cái	26

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
169	Rọ lấy sỏi loại nhỏ	Rọ kéo sỏi loại nhỏ - Độ mở rọ khoảng 15 - 20 mm bắt được sỏi từ 3 - 10 mm - Chiều dài dụng cụ khoảng 280 - 300 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≤ 1.2 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
170	Kèm sinh thiết loại nhỏ	Kèm sinh thiết loại nhỏ - Đường kính ngàm khoảng 1 - 1.2 mm - Chiều dài làm việc khoảng 280 - 300 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≤ 1.2 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
171	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 2 - 10 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ banh khoảng 2 - 10 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	890
172	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 10 - 15 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ banh khoảng 10 - 15 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.850
173	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 10 - 20 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ banh 10 - 20 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
174	Dụng cụ bảo vệ vết mổ có nắp phủ	Dụng cụ bảo vệ vết mổ có nắp phủ - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu, vòng trên được cấu tạo từ thép không gỉ. - Thân ống bằng chất liệu Polyurethan - Đường kính vết mổ banh khoảng 2 - 6 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
175	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch nhanh - Chất liệu bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Thể tích khoảng 3000 - 4000 ml - Có vạch đánh dấu thể tích trên thân bình - Màng lọc khoảng 160 - 170 μ m - 3 cổng đầu vào - 1 cổng đầu ra - 2 cổng thông xả khí - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 có tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	45
176	Điện cực dán theo dõi độ mê, dùng cho trẻ em	Điện cực dán theo dõi độ mê, dùng cho trẻ em - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 25 \pm 02 cm - Trọng lượng khoảng 3 - 4 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA tại Bệnh viện - Chứng nhận CE (Châu Âu) và chứng nhận ISO 13485;2016	Cái	100
177	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn), ghim tự tan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu: Poly Lactic-Co-Glycolic Acid (PGLA), ghim tự tan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 45 cm * Đường kính dụng cụ \leq 5 mm * Chiều dài ghim khoảng 4 - 5 mm - Chiều rộng khoảng 5 - 6 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim tối thiểu 15 ghim/ cái - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	102
178	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn), ghim bằng titan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng titan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 45 cm * Đường kính dụng cụ \leq 5 mm * Chiều dài ghim khoảng 3 - 5 mm - Chiều rộng khoảng 4 - 5 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim tối thiểu 15 ghim/cái - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	124

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
179	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng	<p>Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Đầu cuối có cân quang - Tương thích dây dẫn và các loại stent ≥ 10 Fr - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7</p>	Cái	75
180	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da	<p>Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ tối thiểu phải có 10, 12, 14, 16, 18 Fr - Có tai xé bỏ sau thủ thuật - Cấu tạo: 1 vỏ que, 1 nòng nhựa - vỏ que ôm sát ống nong - Chất liệu: nhựa, đảm bảo độ cứng không xẹp khi rút bỏ nòng - Chiều dài: 18 - 22 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	100
181	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi thận qua da, chiều dài khoảng 16 - 20 cm	<p>Vỏ que nong dùng cho tán sỏi thận qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa - Chiều dài khoảng 16 - 20 cm - Kích cỡ khoảng 10 - 18 Fr (có tối thiểu 10, 12, 14, 16, 18 Fr) - Vỏ que nong tách được hoặc loại vỏ que nong hình chữ Y - Cấu tạo: 1 vỏ que, 1 nòng nhựa - Vỏ que ôm sát ống nong - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	200
182	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin	<p>Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 31 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được khoảng 1.5 mm - 2.2 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
183	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 28 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 38 ghim - Ít nhất 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	250
184	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 30 - 35 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	100
185	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được khoảng 1.5 mm - 2.2 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	150
186	Dụng cụ khâu da, dùng đóng da	Dụng cụ khâu da dùng đóng da - Bằng thép không gỉ - Tối thiểu 35 ghim đường kính khoảng (5 - 6) x (3 - 4) mm - Cấu tạo cửa sổ nhìn trong suốt - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	260
187	Kẹp bấm da	Kẹp bấm da - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính ghim khoảng 0.5 - 0.6 mm - Sau khi đóng: * Chiều dài ghim khoảng 6 - 7 mm * Chiều cao khoảng 4 - 4.5 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
188	Dụng cụ khâu cắt thẳng mổ mở, 30 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt thẳng mổ mở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu tay cầm bằng nhựa - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 18 - 25 cm * Chiều dài băng ghim 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mổ mở" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	8
189	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin, có thể gấp góc mỗi bên 45 độ	<p>Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu đe bằng thép không gỉ - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Cán dài khoảng 32 - 36 cm + Đường kính thân ≤ 12 mm + Chiều dài hàm 60 mm - gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tự động thu dao sau khi sử dụng - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	150
190	Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm	<p>Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nitinol - Có lỗ bên - Chiều dài kim 80 ± 01 mm - Đường kính kim 19G, 22G - Chiều dài làm việc tối thiểu 1400 ± 2 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	75
191	Hộp đựng kim phẫu thuật (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm	<p>Hộp đựng kim phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa - Kích thước khoảng (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm <p>Gồm 2 khay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 1 chứa mút mềm để ghim cố định dao và kim phẫu thuật - Khay 2: chia thành 6 ô nhỏ, kích thước 1 ô tối thiểu 4 x 4 cm, đựng đựng các vỏ bao bì của dao và chỉ phẫu thuật - Có in số thứ tự kiểm soát số lượng kim chính xác - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	6.098

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
192	Keo sinh học vá mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đông máu thrombin, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần hỗn hợp keo gelatin kết dính và chất tạo đông máu thrombin - Thể tích tối thiểu 5 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	910
193	Keo sinh học, 2 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%) - Thể tích tối thiểu 2 ml - Cấu tạo bơm tiêm hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	tube	32
194	Keo sinh học, 4 ml	Keo sinh học cầm máu - Chất liệu hydrogel tổng hợp - Thể tích tối thiểu 4 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	85
195	Keo sinh học, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%) - Thể tích tối thiểu 5 ml - Cấu tạo bơm tiêm hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	tube	646
196	Khăn trải bàn mayo hai lớp	Khăn trải bàn mayo hai lớp - Chất liệu nhựa - Được gia cố bán thấm ≥ 60 gsm, chỉ thấm mặt trên - Kích thước (80 - 90) x (145 - 150) cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	3.100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
197	Kim chích cầm máu dạ dày	<p>Kim chích cầm máu dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim bằng kim loại - Đường kính kim 19G, 22G, 25G - Chiều dài kim 6 ± 1 mm - Chất liệu ống bằng Polyoxymethylene - Đường kính ống tối đa 2.3 mm - Chiều dài làm việc tối đa 1800 mm - Tay cầm công thái học, dạng nút bấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	170
198	Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng	<p>Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim bằng kim loại - Đường kính kim 19G, 22G, 25G - Chiều dài kim 4 ± 1 mm - Chất liệu ống bằng Polyoxymethylene - Đường kính ống tối đa 2.3 mm - Chiều dài làm việc tối thiểu 2300 mm - Tay cầm công thái học, dạng nút bấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	715
199	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 20G, 22G	<p>Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không DEHP - Kích cỡ 20G, 22G, dài khoảng 15 - 20 mm, chiều dài dây nối khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo kim gập góc có đế cố định nối với dây nối - Có khóa kẹp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	1.910
200	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 19G, 20G, 22G	<p>Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng PVC, không latex, không DEHP - Kích cỡ 19G, 20G, 22G - Đường kính kim khoảng 0.5 - 1.5 mm - Chiều dài của kim khoảng 15 - 20 mm - Tương thích môi trường MRI - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	680

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
201	Kim gây tê đám rối thần kinh 20G, 100 ± 01 mm	<p>Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 20G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm - Đầu kim với mặt vát khoảng 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	250
202	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G, 100 ± 01 mm	<p>Kim gây tê đám rối thần kinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch - Đầu kim với mặt vát 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiết khuẩn - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	400
203	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G, 50 ± 01 mm	<p>Kim gây tê đám rối thần kinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 22G, dài 50 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch - Đầu kim với mặt vát 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiết khuẩn - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
204	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm	<p>Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm - Đầu kim với mặt vát khoảng 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	1.480
205	Kim gây tê tủy sống cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	<p>Kim gây tê tủy sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ - Đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim trong suốt, có tráng bạc, phản quang - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài khoảng 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	11.380
206	Kim gây tê tủy sống, có cánh, cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	<p>Kim gây tê tủy sống, có cánh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon - Đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh - Phần cánh cố định kim - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài khoảng 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	5.400
207	Kim gây tê tủy sống, cỡ 27G	<p>Kim gây tê tủy sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cỡ 27G - Chiều dài khoảng 85 - 90 mm - Đầu kim dạng bút chì - Chuôi kim trong suốt, có tráng bạc, phản quang - Kim dẫn đường: * Chất liệu bằng thép không gỉ * Cỡ 22G * Chiều dài khoảng 30 - 35 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	1.969

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
208	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang ≥ 7 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước: + Ngang ≥ 7 cm + Dọc khoảng 10 - 15 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	90
209	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang 5 - 7 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước: + Ngang khoảng 5 - 7 cm + Dọc khoảng 10 - 15 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	90
210	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang 5 - 7 cm, có thể khảo sát bằng cộng hưởng từ	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu PVDF (Polyvinylidene Fluoride) - Kích thước: + Ngang khoảng 5 - 7 cm + Dọc khoảng 10 - 15 cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - khảo sát bằng cộng hưởng từ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	miếng	90
211	Mặt nạ gây mê có van bơm	Mặt nạ gây mê có van bơm - Chất liệu PVC y tế, - Cấu tạo thân mặt nạ trong suốt - Có chỉ thị màu theo các cỡ. - Co nối đường kính 15 mm cho số 1, đường kính 22 mm cho các size 2, 3, 4, 5, 6 - Vành mặt nạ mềm, có van bơm 1 chiều để bơm hơi - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	49.344
212	Mặt nạ thanh quản nguyên khối	Mặt nạ thanh quản 2 nòng nguyên khối, không cần bơm hay rút khí khi đặt - Chất liệu: nhựa dẻo, không chứa latex - Kích cỡ số 3, 4, 5, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày - Mặt nạ dạng bán nguyên khối chống cắn ống - Trên thân hiện số kí lô gam (kg) và kích cỡ mặt nạ - Co nối 15 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	55

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
213	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	<p>Mặt nạ thanh quản 2 nòng, sử dụng nhiều lần, có tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bóng chèn bằng silicon, không latex - Kích cỡ 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5 - Thể tích bóng chèn khoảng 4 - 40 ml, tùy cỡ - Kích thước sonde dạ dày tương ứng khoảng 8 - 18 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong - Trên thân hiện số kí lô gam (kg) và kích cỡ mặt nạ <p>* Có 2 điểm chèn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm chèn 1 ở vị trí hầu họng - Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Có nắp bảo vệ bóng chèn khi khử trùng - Tái sử dụng tối thiểu 30 lần - Đạt chứng nhận: <p>+ ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p> <p>+ Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	205
214	Miếng lót phẫu thuật	<p>Miếng lót phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt, bán thấm ≥ 45 gsm - Kích cỡ khoảng (80 - 90) x (120 - 130) cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	24.000
215	Miếng vá tạo hình	<p>Miếng vá tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 38 x 50 mm, dày 1.0 mm/1.7 mm ; 38 x 63 mm, dày 3.0 mm/6.0 mm; 50 x 50 mm, dày 2.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	3
216	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài	<p>Miếng vá tạo hình ống tai ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 35 x 53 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	3
217	Miếng vá tạo hình vành tai	<p>Miếng vá tạo hình vành tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 61 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
218	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần, miếng ghép có cuống - Kích cỡ 45 x 44 x 7.0 mm x 3.0 mm ($\pm 10\%$) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3
219	Miếng vá tạo hình vùng mắt và sàn ổ mắt	Miếng vá tạo hình vùng mắt và sàn ổ mắt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 13 x 38 mm, dày 3.0 mm hoặc 6.0 mm; 30 x 50 mm, dày 0.45 mm; 38 x 50 mm, dày 0.85 mm hoặc 1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3
220	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 76 mm dày 0.85 mm hoặc 1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	6
221	Miếng vá tạo hình gò má, các cỡ	Miếng vá tạo hình gò má, các cỡ - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng đến 50% thể tích toàn phần - Có máu định vị - Kích cỡ 52 x 26 x 3.0 mm; 52 x 27 x 4.0 mm; 52 x 28 x 5.0 mm, trái/phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3
222	Miếng vá tạo hình mũi	Miếng vá tạo hình mũi - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 29 x 19 x 6.0 mm; 35 x 26 x 9.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
223	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương	<p>Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Miếng ghép có nhiều cuống, các cỡ 76 x 61 x 19 mm; 90 x 73 x 19 mm; 101 x 85 x 19 mm ($\pm 10\%$) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	4
224	Dao cắt hút dưới niêm mạc trong nội soi thực quản hoặc đại tràng	<p>Dao cắt niêm mạc có đầu cách điện dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu đầu cách điện bằng sứ - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Chiều dài dao khoảng 3.3 - 3.5 mm - Đường kính đầu cách điện ≤ 1.7 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	10
225	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh	<p>Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối kép hình chữ Y dùng cho người bệnh dài khoảng 135 - 140 cm, có 2 khóa dạng trực lẫn - Đầu dây có khóa luer lock - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	45
226	Dung dịch chống mờ hơi nước	<p>Dung dịch chống mờ hơi nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: 2 - 6% dipropylene glycol monomethyl ether, 8 -12% isopropyl alcohol, 82 – 90% Nước khử ion, không chứa latex ($\pm 1\%$) - Thể tích tối thiểu 6ml - Dung dịch không màu trong suốt, pH = 7.5, ở 20°C - Kèm một miếng bọt biển chuyên dụng để lau lớp sương khi dùng thiết bị đốt gây mờ kính camera nội soi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	lọ	350

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
227	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật từ ống gan trái vào dạ dày, dưới nội soi siêu âm	<p>Stent kim loại dùng dẫn lưu mật vào dạ dày, tá tràng dưới nội soi siêu âm, phủ bán phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một đầu loe có phủ vỏ bao, đường kính khoảng 12 - 16 mm, có dây kéo - Đường kính thân stent 10 ± 1 mm, có phủ vỏ bao - Đoạn cuối của stent không phủ vỏ bao để tránh làm tắc nghẽn các đường mật trong gan - Chiều dài stent khoảng 60 - 100 mm - Đường kính bộ đặt khoảng 7 - 9 Fr - Chiều dài bộ đặt tối thiểu 1700 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 	Cái	9
228	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi	<p>Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ống bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), không Latex, không DEHP; bóng chèn làm bằng polyurethane - Đường kính 7 Fr - Chiều dài khoảng 70 - 80 cm - Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * Ống 1 nòng, có đầu xa hình chữ Y, trên hình Y có 2 bóng chèn phế quản trái và phải được mã hóa màu khác nhau. * Một co nối đa chức năng dùng kết nối với ống nội khí quản, có cổng vào cho ống nội soi, co nối có 2 nắp đậy - Trên thân ống có vạch đánh dấu độ dài, có cân quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	12
229	Ống dẫn lưu đường mật, đường kính khoảng 14 - 20 Fr	<p>Ống dẫn lưu đường mật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu cao su tự nhiên, mềm - Đường kính tối thiểu phải có 14, 16, 18, 20 Fr - Cấu tạo đầu ống bo tròn để luồn, chữ T - Cạnh ngang khoảng 20 - 22 cm, cạnh dọc khoảng 38 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	530
230	Dụng cụ cắt lọng thắt polyp	<p>Dụng cụ cắt lọng thắt polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thắt polyp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	5

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
231	Ống dẫn lưu ổ bụng, 24, 26 Fr	<p>Ống dẫn lưu ổ bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon mềm - Kích thước 24, 26 Fr - Chiều dài khoảng 500 - 550 mm - uốn cong - Có sọc cản quang - Có 6 lỗ bên - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	1.000
232	Ống dẫn lưu ổ bụng số 28	<p>Ống dẫn lưu ổ bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng cao su tự nhiên - Kích cỡ số 28 - Có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	2.100
233	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	<p>Ống dẫn lưu vết mổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu silicon - Loại tròn và dẹt, độ dài khoảng 60 - 125 cm (tối thiểu có các chiều dài 60 cm, 102 cm, 125 cm) - Tương thích với "Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	2.300
234	Mặt nạ thanh quản 2 nòng	<p>Mặt nạ thanh quản 2 nòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm, không Latex - Kích cỡ tối thiểu phải có 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 - Thể tích bóng chèn khoảng 5 - 45 ml, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày - Có 2 điểm chèn: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chèn 1 ở vị trí hầu họng + Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Co nối 15 mm - Trên thân hiện số kí lô gam (kg) và kích cỡ mặt nạ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	cái	120
235	Ống nối máy thở	<p>Ống nối máy thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene - Chiều dài điều chỉnh được tối đa 150 mm (co dẫn theo ý người sử dụng), khoảng chết khoảng 20 - 40 ml - Co nối dạng khuỷu tay (co L), xoay 360 độ - Có cổng hút đàm đường kính khoảng 7 - 8 mm, có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	18.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
236	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	<p>Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVC - Đầu ống khoảng 2.8 - 3 mm, dài khoảng 5 - 5.5 cm - Thân có chấn phóng xạ, đầu nối vận xoắn - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	60
237	Stent dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo	<p>Stent dẫn lưu đường mật cong 2 đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm 01 stent đuôi heo và 01 ống định vị được lắp sẵn vào nhau. - Chất liệu: Polyethylen (PE) - Có cản quang trên thân stent - Lỗ thông hơi mỗi bên stent ≥ 4 lỗ - Chiều dài khoảng 3 - 15 cm - Đường kính khoảng 7 - 10 Fr (tối thiểu phải có 7,8.5, 10 Fr) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	220
238	Stent dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng	<p>Stent dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa Ethylene Vinyl Acetate hoặc Polyethylen (PE) - Đầu hình nón, có vạt và lỗ bên - Đường kính stent khoảng 7 - 10 Fr (tối thiểu phải có 7, 10 Fr) - Chiều dài khoảng 50 - 150 mm (tối thiểu phải có 50, 70, 90, 120, 150 mm) - Cản quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7 	Cái	180
239	Stent dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng, dạng thẳng	<p>Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polymer - Đặc điểm: có vạt và lỗ bên, nhìn thấy dưới tia X - Đường kính ống khoảng 5 - 7 Fr, phù hợp kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Chiều dài ống khoảng 3 - 15 cm - Có > 4 lỗ thoát dịch - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
240	Stent dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng, 1 đầu cong	<p>Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng, có 1 đầu cong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polymer - Đặc điểm: có vạt và lỗ bên, nhìn thấy dưới tia X - 1 đầu cong - Đường kính ống khoảng 5 - 7 Fr, phù hợp kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Chiều dài ống khoảng 3 - 15 cm - Có > 4 lỗ thoát dịch - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	20
241	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8 Fr, dài khoảng 80 - 90 cm	<p>Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6, 7, 8 Fr - Chiều dài khoảng 80 - 90 cm - Cấu tạo trơn láng, 5 mắt, đầu mở, thẳng, có vạt chia chiều dài - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	120
242	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn	<p>Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây khoảng 60 - 100 cm - Chiều dài đầu phát nhiệt tối thiểu 7 cm, phù hợp với dây dẫn 0.025" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	200
243	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8 Fr, dài khoảng 25 - 30 cm	<p>Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6, 7, 8 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	3.800
244	Ống thông 01 đầu cong hình chữ J	<p>Ống thông 01 đầu cong hình chữ J</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polyurethane và silicone, bề mặt phủ lớp ái nước - Kích cỡ 6, 7 Fr - Chiều dài khoảng 24 - 30 cm - 1 đầu cuộn hình chữ J và 1 đầu vòng đôi mềm - Cân quang và an toàn trong MRI - Vạt đánh dấu tăng dần dọc theo thân - Kèm dây rút và cây đẩy - Thời gian lưu lên đến 365 ngày - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	150

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
245	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng nhựa, cỡ 6, 7 Fr, dài khoảng 25 - 30 cm	<p>Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản</p> <p>Chất liệu polyurethane và silicone</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ 6, 7 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	300
246	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6, 7 Fr, dài khoảng 25 - 30 cm	<p>Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon - Kích cỡ 6, 7 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	550
247	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6 Fr, dài khoảng 15 - 20 cm	<p>Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản, ghép thận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicone - Kích cỡ 6 Fr - Chiều dài khoảng 15 - 20 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	60
248	Ống thông khí cho hòm nhĩ	<p>Ống thông khí cho hòm nhĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Fluroplastic/silicon - Chiều dài khoảng 2.2 - 2.4 mm - Đường kính trong khoảng 1.1 - 1.2 mm - Đường kính ngoài khoảng 2.3 - 2.5 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	90
249	Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục	<p>Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với tay cầm mã PL604R, PL606R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
250	Stent kim loại đường mật	<p>Stent kim loại đường mật dùng trong trường hợp u, hẹp đường mật lành tính, ác tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinol hoặc Nitinol - Đường kính stent khoảng 10 ± 1 mm - Chiều dài stent khoảng 40 - 100 mm (tối thiểu phải có 40, 60, 80, 100 mm) - Đường kính bộ đặt stent ≥ 8 Fr, tương thích dây dẫn 0.025 - 0.035" - Gồm các loại: không có vỏ bao, có vỏ bao, có vỏ bao bán phần với 2 đầu không có vỏ bao - Có cân quang - Bộ đặt stent tối thiểu có 3 điểm - Thu hồi stent đã bung tối thiểu 80% - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	20
251	Stent kim loại đường mật có màng bọc permalume phủ 1 phần stent	<p>Stent kim loại đường mật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinol, có màng bọc permalume phủ 1 phần bên ngoài stent - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài stent kim loại khoảng 60 - 100 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 60 - 80 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng loe chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent khoảng 60 - 80% - Có tối thiểu 3 điểm cân quang (đầu - giữa - đuôi stent) - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	18
252	Stent kim loại đường mật có màng bọc bằng silicone, có nhiều lỗ trên màng bọc	<p>Stent kim loại đường mật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Nitinol, có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài stent kim loại khoảng 40 - 120 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 50 - 180 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng loe chống di lệch stent, stent thu gọn để tái định vị vị trí khi bung stent khoảng 60 - 80% - Có tối thiểu 3 điểm cân quang (đầu - giữa - đuôi stent) - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
253	Tấm điện cực trung tính kèm dây	<p>Miếng dán điện cực trung tính kèm dây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viên bản cực được bao quanh bằng lớp keo arylíc - Diện tích bề mặt tối đa 137cm^2, lớp Polyhesive hydrogel dày tối đa 0.13 cm. - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với các hệ thống dao mổ điện. - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện. - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	24.168
254	Tấm điện cực trung tính	<p>Miếng dán điện cực trung tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích bề mặt tối đa 137cm^2, lớp Polyhesive hydrogel dày tối đa 0.13 cm - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viên bản cực có chiều rộng khoảng $1 - 1.1$ cm được bao quanh bằng lớp keo arylíc. - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với các hệ thống dao mổ điện. - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện. - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	15.200
255	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 châu	<p>Tay dao cắt đốt đơn cực 3 châu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu đốt bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa - Đường kính khoảng $2.3 - 2.4$ mm, đầu dao hình kiếm, dây nối dài khoảng $3 - 3.5$ m - Tương thích với máy ValleyLab, Erbe hiện có tại bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	50.377
256	Thanh nâng ngực	<p>Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cấu tạo 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khắc ở 2 đầu, các khắc ở 2 đầu được bo tròn, không răng cưa - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều ngang 10 mm, dài khoảng $20 - 26$ cm * Chiều ngang 13 mm, dài khoảng $28 - 40$ cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
257	Bộ thanh nâng ngực, kèm ốc vít	<p>Bộ thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực, lồi ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lồi vừa lõm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ thanh gồm 2 thanh ghép thành 1 cặp nẹp cố định vào thành ngực bằng ốc vít theo phương pháp sandwich - Chất liệu: titanium - Thanh đỡ có bề dày khoảng 2.5 - 3.5 mm ở mỗi bên có 3 lỗ - Thanh nẹp có bề dày khoảng 1.5 - 2.5 mm ở mỗi bên có rãnh và lỗ - Thanh đỡ và thanh nẹp mỗi thanh đều kèm 2 ốc vít - Kích thước mỗi thanh khoảng 20 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	110
258	Thiết bị xilanh, áp kế	<p>Thiết bị xilanh, áp kế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm xilanh và đồng hồ đo áp lực đồng bộ, có dây nối với bóng nong - Tương thích với tay cầm tích hợp bơm bóng và tán sỏi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	19
259	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh ba tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - 3 tiêu cự - Dây độ: từ +0.0 đến +32.0D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	60
260	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, dạng phiến	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, dạng phiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, cầu sai trung tính, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Dạng phiến - Bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Dây độ: từ -10.0 đến +40D - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	600
261	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, nhuộm vàng	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C - Bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ. - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Nhuộm vàng - Dải độ: Từ -20.0D đến +50D - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	180

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
262	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 mảnh	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh đơn tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Phân quang học Acrylic, phần càng bằng chất liệu Polymethylmethacrylate(PMMA) - Càng chữ C, bờ sau vuông - Chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Dãy độ từ -10D đến +30D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn <p>Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	140
263	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic kỵ nước - Càng chữ C, bờ sau vuông loại mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Dãy độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Tiệt khuẩn <p>Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE (Châu Âu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	1.230
264	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu, điều chỉnh lão thị	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu kết hợp kéo dài tiêu cự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic kỵ nước - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Lọc tia UV và ánh sáng tím - Dãy độ từ +5.0D đến +32D, bước nhảy 0.5D - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Tiệt khuẩn <p>Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE (Châu Âu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	75
265	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu kéo dài tiêu cự	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic kỵ nước - Càng chữ C, bờ sau vuông loại mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tăng cường tầm nhìn trung gian - Dãy độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Tiệt khuẩn <p>Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	370

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
266	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu, điều chỉnh lão thị, điều chỉnh loạn thị	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu kết hợp kéo dài tiêu cự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic kỵ nước - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Công suất điều chỉnh loạn thị: 1.5D; 2.25D; 3.00D; 3.75D - Lọc tia UV và ánh sáng tím - Dãy độ từ +5.0D đến +32D, bước nhảy 0.5D - Tiết khuẩn - Lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Cái	10
267	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự điều chỉnh được loạn thị	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự điều chỉnh được loạn thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic kỵ nước - Càng chữ C, bờ sau vuông, được xử lý mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tăng cường tầm nhìn trung gian - Công suất điều chỉnh loạn thị: 1.5D; 2.25D; 3.00D; 3.75D; 4.5D; 5.25D; 6.00D - Dãy độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	50
268	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi trong khoảng 12 - 13 mm, dài 90 - 100 mm	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong khoảng 12 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	2.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
269	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính khoảng 12 - 12.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phổ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	1.000
270	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu trong phẫu thuật mũi xoang	<p>Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều cao: ≥ 2 cm * Bề dày: ≥ 1.5 cm - Được nén kép, không bị vụn - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	3.980
271	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 10 cm	<p>Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng sợi rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22μm - Trọng lượng ≥ 6 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 21% - Độ bền kéo ướt ≥ 3 lbf - Thời gian cầm máu nhanh < 2 phút - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	4.884

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
272	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 2.5 cm	<p>Vật liệu cầm máu tự tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 10 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 21% - Thời gian cầm máu nhanh < 2 phút - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 2.5 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	820
273	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	<p>Vật liệu cầm máu tự tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 10 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 21% - Thời gian cầm máu nhanh < 2 phút - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	1.000
274	Vật liệu cầm máu, dạng bông, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	<p>Vật liệu cầm máu tự tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng dạng bông Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 26 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 21% - Thời gian cầm máu nhanh < 2 phút - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	5.434

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
275	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, bằng gelatin	Vật liệu cầm máu tự tiêu <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp - Thẩm hút lượng máu tối đa 50 lần trọng lượng của miếng cầm máu - Độ pH trung tính - Thời gian tự tiêu hoàn toàn sau 4 tuần - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm * Chiều cao (dày): ≥ 1 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	13.910
276	Vật liệu cầm máu xương, 70 - 75% sáp ong	Vật liệu cầm máu xương <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần tối thiểu 75% sáp ong và tối thiểu 20% chất làm mềm (vaseline hoặc paraffin) - Trọng lượng ≥ 2.5 gr - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	3.024
277	Vật liệu cầm máu xương, $\geq 85\%$ sáp ong	Vật liệu cầm máu xương <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần sáp ong $\geq 85\%$ và isopropyl Palmitate $\geq 10\%$ - Trọng lượng ≥ 2.5 gr - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	2.660
278	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khép miệng vết thương và gia cố lực kéo căng khép miệng vết thương <ul style="list-style-type: none"> - Bằng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ: + chiều ngang khoảng 12 - 15 mm <ul style="list-style-type: none"> + chiều dài khoảng 100 - 120 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Miếng	3.400
279	Vôi soda	Vôi soda dùng hấp thụ khí CO2 trong gây mê <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: sodium hydroxide $\leq 3\%$, calcium hydroxide $\leq 97\%$ - Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, cỡ hạt trong hạt 2.5 - 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ, độ cứng $> 75\%$ - Thùng tối thiểu 5 lít - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Lít	10.231
280	Xương con thay thế xương bàn đạp	Xương con thay thế xương bàn đạp <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng nhựa fluoroplastic - Chiều dài khoảng 3.5 - 8 mm - Đường kính trục khoảng 0.4 - 0.8 mm - Hình vòng - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	26

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
281	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18, 20G	Kim sinh thiết - Kích cỡ tối thiểu phải có 18, 20G, dài khoảng 15 - 20 cm, độ dài mẫu khoảng 17 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để dàng xác định số kim, đầu kim cản tia X-ray - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	100
282	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm, 2 kim thẳng, dài 16 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, khâu treo thủy tinh thể vào củng mạc - Chỉ bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm - 2 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	12
283	Stent kim loại đường mật không có màng bọc phủ bên ngoài stent	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, không có màng bọc phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 60 - 100 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 60 - 80 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng loe chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, stent thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent khoảng 60 - 80% - Có tối thiểu 3 điểm cản quang (đầu - giữa - đuôi stent) - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	27
284	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép khâu xương bánh chè - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 7, dài ≥ 60 cm - 1 kim tam giác, dài 120 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	tép	904
285	Miếng lau đầu đốt	Miếng lau đầu đốt làm sạch và loại bỏ mô trên đầu dao điện trong quá trình phẫu thuật - Bề mặt nhám - Mặt sau dính - phát hiện bởi X-quang - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 45 mm * Chiều rộng: ≥ 45 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	8.955

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
286	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9 Fr, dài 10 ± 01 cm	<p>Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter bằng polyurethane, cân quang - Cỡ 9 Fr, dài 10 ± 01 cm - Dây dẫn lò xo tối đa 0.035", dài khoảng 45 - 50 cm, 1 đầu thẳng, 1 đầu cong chữ J - Đi kèm: 1 kim dẫn 18G, dài khoảng 6.3 - 6.5 cm, 1 bơm tiêm 5 ml, 1 cây bông, 1 catheter bảo vệ chống nhiễm khuẩn dài khoảng 80 ± 02 cm, 1 nắp đậy không lỗ, 3-4 miếng gạc 4 x 4". Có đường dẫn để đặt catheter - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	90
287	Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em	<p>Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro - Kích thước: vùng hoạt động khoảng 70 - 75 cm², tích hợp dây dẫn dài khoảng 2.5 - 3.0 m - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	350
288	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, dài ≥ 20 cm, 2 kim, 1/2 C, dài 48 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyester, dài ≥ 20 cm, phủ Polybutylate, được dệt thành băng dệt, dày khoảng 4 - 5 mm. - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	tép	266
289	Điện cực dán theo dõi độ mê, các cỡ	<p>Điện cực dán theo dõi độ mê, các cỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm đệm cảm biến được làm từ bọt xốp - Số kênh hoạt động: ≥ 4 - Điện cực hoạt động: ≥ 4 - Thời gian sử dụng: ≥ 24 giờ - Tương thích với máy hãng Masimo tại Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	800
290	Ống thông pezzet, kích cỡ khoảng 16 - 26 Fr	<p>Ống thông pezzet</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: cao su tự nhiên - Kích cỡ tối thiểu phải có 16, 18, 20, 22, 24 Fr - Chiều dài khoảng 40 - 50 cm - Đặc tính: đầu ống hình quả bí, có tối thiểu 3 lỗ thông - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
291	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa	<p>Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa sử dụng 1 lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc khoảng 1240 - 1840 mm - Chiều dài của nắp mềm: 21 ± 1 mm - Đường kính kênh làm việc bổ sung tối thiểu 3.5 mm - Đường kính tối đa khi lắp đặt 19 mm - Phù hợp với dụng cụ có đường kính ≤ 3.2 mm - Bao gồm: Nắp mềm, kênh làm việc, đầu nối, van, kẹp gắn kèm dây cố định, ống bọc nội soi, băng dính. - Tương thích đường kính ống soi: 9.8 - 13.5 mm <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	7
292	Nắp đậy đầu ống soi	<p>Nắp đậy đầu ống soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài khoảng 11 - 15 mm (tối thiểu phải có 11.8, 13.6 mm) - Khoảng cách đến đầu ống soi ≤ 7 mm - Đường kính trong ≤ 7 mm - Có rãnh dẫn, có lỗ - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 	Cái	20
293	Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt	<p>Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent kim loại tự bung, có màng bọc phủ hoàn toàn - Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt - Đường kính stent khoảng 5 - 7 mm - Đầu stent lồi khoảng 13 - 15 mm - Chiều dài sử dụng khoảng 7 - 9 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 9 Fr - Chiều dài bộ đặt khoảng 130 - 150 cm - An toàn trong MRI - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
294	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt	<p>Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent kim loại tụy bụng, có màng bọc phủ hoàn toàn - Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt - Đường kính stent khoảng 14 - 16 mm - Đầu stent loe khoảng 23 - 25 mm - Chiều dài sử dụng khoảng 9 - 11 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 10 Fr - Chiều dài bộ đặt khoảng 130 - 150 cm - An toàn trong MRI - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	8
295	Stent kim loại thực quản	<p>Stent kim loại thực quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nitinol, có phủ toàn phần hoặc bán phần - Đường kính stent khoảng 22 - 24 mm - Đường kính đầu loe khoảng 28 - 30 mm - Chiều dài stent khoảng 100 - 130 mm - Đường kính bộ đặt ≥ 18 Fr - Chiều dài bộ đặt ≥ 780 mm - thu hồi sau khi bung stent $\geq 75\%$ - Điểm đánh dấu cân quang ≥ 4 điểm - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	2
296	Stent kim loại đại tràng	<p>Stent kim loại đại tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nitinol - Đường kính stent khoảng 22 - 24 mm - Đường kính đầu loe khoảng 26 - 28 mm - Chiều dài stent khoảng 60 - 120 mm - Đường kính bộ đặt ≥ 10 Fr - Chiều dài bộ đặt ≥ 2300 mm - Thu hồi sau khi bung stent $\geq 70\%$ - Tương thích dây dẫn ≤ 0.035 - Điểm đánh dấu cân quang ≥ 3 điểm - Tiết khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
297	Stent niệu quản	Stent niệu quản - Đường kính stent khoảng 8 - 10 mm - Chiều dài stent khoảng 80 - 120 mm - Thân stent lực hướng tâm cao và lòng bên trong lớn - Stent được bao phủ hoàn toàn bởi một polymer - Điểm đánh dấu chắn bức xạ ở trên stent cho phép đặt dưới nội soi hoặc huỳnh quang - Có mô neo giảm dịch chuyển - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	5
298	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, số 0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 120 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.84 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	36
299	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 0, dài ≥ 75 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 67 N, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 1.15 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	720
300	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	5.514
301	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	1.962

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
302	Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não, các cỡ, tương thích máy Masimo	<p>Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não, các cỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: tổng hợp (polyethylen, silicon), không chứa latex - Bước sóng 4 bên, đo mao mạch bằng ánh sáng cận hồng ngoại - Đóng gói riêng từng cái - Tương thích với máy Masimo tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	1.224
303	Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau	<p>Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau (PCA)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa không Latex - Bao gồm: * 01 bơm chính, thể tích khoảng 100 - 120 ml * 01 bơm người bệnh điều chỉnh: Thể tích bơm tiêm 1ml với thời gian bơm thuốc cách nhau mỗi 10 phút/lần. - Tốc độ nền tối thiểu 1 ml/giờ - Cổng bơm thuốc vào là van một chiều - Có 2 lọc khí kích thước tối thiểu 0.2 μm - Phụ kiện kèm theo: nhãn để ghi thông tin, túi đựng bơm. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	200
304	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi bằng polypropylene, số 6-0, dài \geq 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài \geq 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.152
305	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, 6-0, dài \geq 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài \geq 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, đường kính \leq 0.31 mm, dài 13 mm, 3/8 C bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	528
306	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài \geq 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài \geq 75 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.080

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
307	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	396
308	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, dài khoảng 20 - 25 cm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - Hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	15
309	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, dài khoảng 20 - 21 cm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài khoảng 20 - 21 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 35 - 40 độ - Hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	450
310	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	6

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
311	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	236
312	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter dùng đo áp lực bàng quang	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter dùng đo áp lực bàng quang - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) hoặc Silicon - Chiều dài khoảng 400 - 450 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	250
313	Catheter đo áp lực 2 đường, cỡ 7 Fr, dài 45 - 50 cm	Catheter đo áp lực 2 đường, đầu thẳng dùng đo áp lực bàng quang - Chất liệu không latex - Kích thước 7 Fr - Chiều dài khoảng 45 - 50 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	130
314	Catheter đo áp lực ổ bụng bằng polyvinylclorua, cỡ 9 Fr, dài 45 - 50 cm	Catheter đo áp lực ổ bụng - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyisoprene - Kích thước 9 Fr - Chiều dài khoảng 45 - 50 cm - Đầu bóng - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	900
315	Bộ phận gắn đầu biến áp lực	Bộ phận gắn đầu biến áp lực để chuyển tín hiệu áp lực chính xác đến bộ phận cảm biến niệu dòng dùng đo áp lực bàng quang - Đầu nối: Male - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	290
316	Bộ dây dẫn khí NO các cỡ	Bộ dây dẫn khí NO, các cỡ - Bộ dây bao gồm: * Ống nối giữa dây dẫn khí NO và dây máy thở đường kính khoảng 10 - 22 mm * Dây nối lấy mẫu phân tích có chiều dài khoảng 1.5 - 2 m kèm khóa luer lock để cố định với máy NO * Có ống nối giữa dây cấp khí NO và bình làm ẩm của hệ thống máy thở * Có bộ lọc nước - Tương thích với máy cấp khí và theo dõi khí NO (NoxBoxi) đang có tại BV) - Chứng nhận ISO 13485:2016	bộ	70

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
317	Bộ dây dẫn khí dùng cho trẻ sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động	<p>Bộ dây dẫn khí dùng cho trẻ sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây thở với nhánh thở vào tích hợp trở nhiệt - Bình làm ấm ấm tự làm đầy và tự ngắt khi đầy. - Chiều dài nhánh thở vào khoảng 1 - 1.2 m - Đoạn dây kết nối với bình làm ấm có cổng gắn nitric oxide khoảng 0.5 - 0.7 m - Có dây đo áp lực, các cơ nối phù hợp - Độ cản trở dòng trên dây thở tại 13 L/phút: ≤ 2 cmH₂O - Tương thích với máy thở không xâm lấn Acutronic và máy làm ấm MR850/MR810 của Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	bộ	95
318	Van thở CPAP	<p>Van thở CPAP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tích hợp phần dự trữ khí, ống đo áp lực liên tục mà không cần ngắt quãng dòng khí thở - Có cổng kết nối phun khí dung - Phần đầu gọng mũi thay đổi góc nghiêng - Áp lực CPAP khoảng 0 - 20 mbar - Độ ồn thấp ≤ 61dB(A) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Tương thích với Bộ dây dẫn khí dành cho người bệnh sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động tại danh mục mời thầu 	Cái	95
319	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G, dài 10 - 20 cm	<p>Kim sinh thiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ khoảng 18 - 20G, dài khoảng 10 - 20 cm, độ dài mẫu sinh thiết khoảng 17 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu dễ dàng xác định số kim, đầu kim cản tia X-ray - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	20
320	Dao cắt vách nang giả tụy	<p>Dao cắt vách nang trong dẫn lưu nang giả tụy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính dây dẫn dụng cụ 1.8 ± 1 mm - Chiều dài dụng cụ ≥ 2100 mm - Dây dẫn tương thích ≤ 0.035" - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
321	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm, phủ toàn phần - Đường kính stent khoảng 12 - 14 mm - Đường kính 2 đầu stent loe hình nón có kích thước khoảng 24 - 26 mm - Chiều dài stent đoạn sử dụng khoảng 18 - 20 mm - Chiều dài toàn bộ stent \geq 30 mm - Đường kính bộ đặt khoảng 9 - 11 Fr - Chiều dài bộ đặt \geq 1700 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6
322	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 2-0, dài \geq 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài \geq 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	6.984
323	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 2-0, dài \geq 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài \geq 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	10.726
324	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G, không kèm khay đựng	Bộ gây tê ngoài màng cứng, không kèm khay đựng - Bộ gây tê bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài khoảng 80 - 90 mm * Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài khoảng 1000 - 1200 mm, đầu thuôn nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μ m kèm miếng dán cố định bộ lọc - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	200
325	Dụng cụ thay thế toàn bộ xương con	Dụng cụ thay thế toàn bộ xương con toàn phần - Chất liệu Titan - Chân đế trụ tròn. - Đường kính đầu khoảng 2.6 - 3.6 mm - Đường kính trục 0.2 mm, Trục tùy chỉnh chiều dài từ 3.0 - 7.0 mm - Có đĩa đo chiều dài xương con đến màng nhĩ làm bằng Polypropylene. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	10

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
326	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla	<p>Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.7 mm + Nam châm: * Chất liệu titanium * Độ dày ≤ 3.7 mm * Không tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla * Tháo rời được khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 24 mm x 24 mm x 4 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng khoảng 7 - 10 g bao gồm cả dây điện, chịu được lực và đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh - Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực khoảng 0.3 - 0.6 mm. - Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 110 mm - Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. - Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy - Thời gian bảo hành > 10 năm kể từ khi cấy 	Bộ	10
327	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3.0 Tesla	<p>Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.9 mm + Nam châm: * Chất liệu titanium * Độ dày ≤ 3.9 mm * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3.0 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 24 mm x 24 mm x 4 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng khoảng 7 - 10 g bao gồm cả dây điện, chịu được lực và đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh - Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực khoảng 0.25 - 0.6 mm. - Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 110 mm - Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. - Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy - Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
328	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng ≥ 3.0 Tesla	<p>Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng</p> <p>- Bao gồm:</p> <p>+ Cuộn cảm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.7 mm <p>+ Nam châm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bọc titan kín * Độ dày ≤ 3.7 mm * Tháo rời được * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng ≥ 3.0 Tesla <p>+ Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy):</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 19 mm x 24 mm x 5.7 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng khoảng 7 - 10 g * Chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J * Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện * Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 12 điện cực * Số lượng kênh kích thích đồng thời ≥ 12 kênh * Số lượng nguồn điện độc lập ≥ 24 * Tốc độ kích thích ≥ 50.000 xung mỗi dây * Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. * Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy * Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy * Tiệt khuẩn * Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	3
329	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla	<p>Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng</p> <p>- Bao gồm:</p> <p>+ Cuộn cảm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đường kính ≤ 31mm * Độ dày ≤ 3.7 mm <p>+ Nam châm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bọc titan kín * Độ dày ≤ 3.7mm * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla <p>+ Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy):</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 19 mm x 24 mm x 5.7 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng khoảng 7 - 10 g * Chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J * Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện * Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 12 điện cực * Số lượng kênh kích thích đến 12 kênh * Số lượng nguồn điện độc lập ≥ 24 * Tốc độ kích thích ≥ 50.000 xung mỗi dây * Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. * Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy * Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy * Tiệt khuẩn * Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
330	Đầu dò SpO2 sử dụng một lần, dùng cho trẻ sơ sinh	<p>Đầu dò SpO2 sử dụng một lần, dùng cho trẻ sơ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng cao su tự nhiên - Dài tối thiểu 1.5 m - Loại dán mu bàn chân - Độ chính xác SpO2: $70\% \leq \%SpO2 \leq 80\%$, $SpO2 \pm 3\%SpO2$; $\%SpO2 > 80\%$, $SpO2 \pm 2\%SpO2$. - Tương thích với monitor theo dõi người bệnh hãng Nihon Kohden tại bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	130
331	Tấm điện cực dùng cho máy sốc tim	<p>Tấm điện cực dùng cho máy sốc tim</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyetylen - Chiều rộng khoảng 10 - 12 cm - Chiều dài khoảng 12 - 14 cm - Gel dính: Acrylic polymer ưa nước - Chiều dài dây nối tối thiểu 1.5 m - Tương thích với máy sốc tim mã TEC-5531K, TEC-5631 hãng Nihon Kohden tại bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	211
332	Dung dịch nhuộm màu trong nội soi tiêu hóa	<p>Dung dịch nhuộm màu trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần Indigo Carmine tối thiểu 0.8% - Tiệt khuẩn - Thể tích tối thiểu 10 ml - Chứng nhận ISO 13485:2016 	lọ	5
333	Kẹp giữ kim dùng trong thủ thuật khâu nội soi	<p>Kẹp giữ kim dùng trong thủ thuật khâu nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt kẹp có khóa - Tay cầm tích hợp bánh cóc - Lực kẹp điều chỉnh - Vỏ kẹp truyền lực xoắn để xuyên qua niêm mạc - Độ mở: 2.5 ± 1 mm - Đường kính lỗ chèn tối đa 2.6 mm - Chiều dài làm việc khoảng 1600 - 2300 mm - Phù hợp ống soi đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	5
334	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 35 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng collagen, số 4-0, dài ≥ 35 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 2 kim, kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Tép	840

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
335	Tấm điện cực trung tính tương thích máy đốt Emed tại bệnh viện	Tấm điện cực trung tính - Kích thước 176 x 122 mm (\pm 01 mm), bề mặt hoạt động 110 cm ² - Có lớp keo hydro - Dạng chia đôi tấm điện cực - Tương thích máy đốt Emed tại bệnh viện - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	300
336	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài \geq 90 cm, 2 kim, phủ chất kháng khuẩn, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 5-0, dài \geq 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, đường kính \leq 0.41 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim \geq 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	684
337	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài \geq 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 5-0, dài \geq 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, đường kính \leq 0.36 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim \geq 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	720
338	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 6-0, dài \geq 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 6-0, dài \geq 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu cát, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9.3 mm, đường kính \leq 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim \geq 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.548
339	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, phủ chất kháng khuẩn, số 6-0, dài \geq 70 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 6-0, dài \geq 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu cát, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, đường kính \leq 0.26 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim \geq 2750 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	540

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
340	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 2 N - 2 kim tròn, đầu tròn, trơn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	648
341	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 8 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 7-0, chỉ dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.5 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, trơn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 8 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	252
342	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 8 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), 8 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	720
343	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, 8 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.5 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 8 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	72
344	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 2 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	72

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
345	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, dài khoảng 20 - 25 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, tần số siêu âm \geq 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - hàn mạch máu \geq 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	18
346	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, dài khoảng 8 - 10 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, tần số siêu âm \geq 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 8 - 10 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - hàn mạch máu \geq 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	550
347	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gập góc chủ động, liên tục có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gập góc chủ động, liên tục có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: - Cán dài khoảng 15 - 20 cm - Đường kính thân \leq 12 mm - gập góc 45 độ mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim dễ sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	220

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
348	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi, 60 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.0 - 2.2 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gập góc chủ động, liên tục có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	1.000
349	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 25 - 32 mm	<p>Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước <ul style="list-style-type: none"> * Cán dài khoảng 13 - 15 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25mm, 26mm, 29mm, 31mm, 32mm, tối thiểu 33 ghim * Đường kính lòng cắt 16, 17, 20, 21, 22 mm * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.0 mm - 2.5 mm - Ít nhất 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	50
350	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, có bóng cố định	<p>Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân: <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí, có bóng cố định * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính khoảng 10 - 13 mm + Chiều dài làm việc khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
351	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, tích hợp hỗ trợ đóng lỗ trocar	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Tương thích dụng cụ hỗ trợ đóng lỗ trocar * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa và thép không gỉ, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	50
352	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính trong khoảng 11 - 12 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính trong khoảng 11 - 12 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	1.000
353	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
354	Dụng cụ hỗ trợ đẩy chỉ đóng lỗ trocar	Dụng cụ hỗ trợ đẩy chỉ đóng lỗ trocar - Tương thích "Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, tích hợp hỗ trợ đóng trocar" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	2
355	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm kèm vật liệu cầm máu	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mở nội soi kèm vật liệu cầm máu - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Kèm vật liệu cầm máu - Tương thích với "Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	120
356	Stent kim loại đường mật không có màng bọc phủ bên ngoài stent, đường kính catheter khoảng 4 - 7 Fr	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Nitinol, không có màng bọc phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 40 - 150 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 6 - 12 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 50 - 180 cm, đường kính catheter khoảng 4 - 7 Fr - Có điểm cân quang trên catheter đánh dấu vị trí stent - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
357	Catheter đo áp lực 3 đường, cỡ 9 Fr, dài 40 - 45 cm	Catheter đo áp lực 3 đường, đầu thẳng dùng đo áp lực niệu đạo - Chất liệu không latex - Kích thước 9 Fr - Chiều dài khoảng 40 - 45 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	15
358	Túi đo khối lượng máu sau sinh	Túi đo khối lượng máu sau sinh - Chất liệu nhựa - Kích thước 70 x 105 cm - Có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - Túi hình tam giác - Tiệt khuẩn	Cái	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
359	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây - tái sử dụng lên đến 100 lần - Thời gian chờ lên đến 7 tiếng sau khi sạc đầy - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
360	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm - Tần số dao động ≥ 55000 lần/giây - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - tái sử dụng đến 100 lần - hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
361	Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước 200 x 300 cm	Khăn trải bàn dụng cụ - Cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS, tối thiểu 45 gsm) - Kích thước: 200 x 300 cm (± 2 cm) - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp.	Cái	650
362	Bộ khăn phẫu thuật chi dưới	Bộ khăn phẫu thuật chi dưới - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Bộ khăn bao gồm: + 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) + 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chi 240 x 310 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 70 x 115 cm có lỗ đàn hồi đường kính 10 cm. + 2 khăn phủ 160 x 200 cm + 1 Khăn tiếp cận 90 x 100 cm + 2 Khăn thấm 35 x 40 cm + 1 Bao chi dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp.	bộ	3.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
363	Bộ khăn phẫu thuật chi trên	<p>Bộ khăn phẫu thuật chi trên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) + 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chi 200 x 300 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 50 x 50 cm, có lỗ đàn hồi đường kính 6 cm. + 1 Khăn tiếp cận 90 x 100 cm + 2 Khăn thấm 35 x 40 cm + 1 Bao chi trên 23 x 50 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	bộ	1.500
364	Bộ khăn phẫu thuật nội soi cột sống	<p>Bộ khăn phẫu thuật nội soi cột sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 1 Khăn phẫu thuật cột sống 220 x 310 cm, lỗ vùng phẫu trường kích thước 20 x 20 cm nằm ở trung tâm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới thấm kích thước 60 x 60 cm, có túi chứa dịch ở bên tối thiểu 50 lít, có co nối. * 4 khăn phủ có keo 80 x 100 cm * 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	bộ	780

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
365	Bộ khăn phẫu thuật đầu mặt cổ	<p>Bộ khăn phẫu thuật đầu mặt cổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 1 khăn phẫu thuật với kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 280 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 210 cm, chiều dài toàn bộ khăn 310 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới với kích thước 80 cm x 60 cm, có lỗ đàn hồi kích thước 13 x 13 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm, * 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, dính * 1 Túi dụng cụ 40 x 40 cm, 2 ngăn * 1 túi kim chỉ: chất liệu bằng nhựa trong, có 2 ngăn, chiều cao 30 cm, chiều rộng 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	bộ	1.900
366	Bộ khăn phẫu thuật cắt phổi	<p>Bộ khăn phẫu thuật cắt phổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Khăn phẫu thuật cắt phổi 240 x 320 cm, vùng phẫu trường kích thước 30 x 35 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 60 x 80 cm, tích hợp 2 túi chứa dịch 2 bên 30 x 40 cm * 4 khăn có keo 100 x 120 cm * 1 khăn trải bàn mayo 60 x 140 cm * 1 túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn * 1 túi kim chỉ: chất liệu bằng nhựa trong, có 2 ngăn, chiều cao 30 cm, chiều rộng 40 cm * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	bộ	630

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
367	Bộ khăn phẫu thuật mạch máu chi dưới	<p>Bộ khăn phẫu thuật mạch máu chi dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm * 2 khăn lót chỉ dưới 140 x 160 cm * 1 khăn phủ bán thấm 100 x 120 cm * 1 Khăn phủ đầu 180 x 200 cm, Chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, 40 x 60 cm * 2 Khăn phủ bên 100 x 140 cm, Chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, 40 x 70 cm * 1 Khăn phủ chân 180 x 250 cm, Chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, 60 x 90 cm * 2 khăn không keo vải bán thấm 35 x 40 cm * 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm * Bao chi dưới 28 x 85 cm * Vùng xung quanh phẫu trường chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	bộ	1.300
368	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 120 - 125 mbar, 250 - 260 ml	<p>Bộ đặt dẫn lưu vết mổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dẫn lưu bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * Bình chứa: chất liệu polyetylen * Ống dẫn lưu, ống nối, nắp bình: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu PVC + Chiều dài: Ống dẫn lưu dài khoảng 80 - 82 cm, Ống nối dài khoảng 100 - 125 cm * Trocar: bằng thép không gỉ - Dung tích khoảng 250 - 260 ml - Áp lực khoảng 120 - 125 mbar - Có van chống trào ngược - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	6.200
369	Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 200 - 250 ml	<p>Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: LDPE không latex - Dung tích bình khoảng 200 - 250 ml - Túi chứa dịch khoảng 600 - 800 ml có chia vạch - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu hoặc dịch tiết, có dây treo bình, có kẹp đầu vào và đầu ra. - Dạng xếp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/7450) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	bộ	700

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
370	Bình đặt dẫn lưu vết mổ, 200 - 210 ml	<p>Bình đặt dẫn lưu vết mổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon - Dung tích khoảng 200 - 210 ml - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không - Có móc treo - Tiệt khuẩn - Tương thích với "Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	bộ	100
371	Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml	<p>Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: silicon - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu hoặc dịch tiết - Dung tích khoảng 450 - 500 ml - Dạng lò xo nén - Tiệt khuẩn - Tương thích với "Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	1.600
372	Bình đặt dẫn lưu vết mổ, 100 - 110 ml	<p>Bình đặt dẫn lưu vết mổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon - Dung tích khoảng 100 - 110 ml - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không - Có móc treo - Tiệt khuẩn - Tương thích với "Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	250
373	Bình đặt dẫn lưu vết mổ, 100 - 110 ml kèm ống dẫn lưu, 120 - 125 cm	<p>Bình đặt dẫn lưu vết mổ kèm ống dẫn lưu</p> <p>* Bình dẫn lưu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon - Dung tích khoảng 100 - 110 ml - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không - Có móc treo <p>* Ống dẫn lưu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng silicon - Kích thước 10 Fr, chiều dài khoảng 120 - 125 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	375

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
374	Bộ dây dẫn khí 2 bẫy nước dùng cho máy thở, các cỡ	<p>Bộ dây dẫn khí 2 bẫy nước dùng cho máy thở, người lớn và trẻ em.</p> <p>Bộ dây bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 đoạn ống nối: + 1 Ống chiều dài tối thiểu 1.6 m, đường kính ống: người lớn tối thiểu 22 mm, trẻ em tối thiểu 15 mm + 1 Ống linh hoạt với co chữ Y có 2 cổng kiểm soát + 1 Co nối thẳng đường kính 22 mm + 1 Ống tháo rời tối thiểu 0.8 m + 1 Co nối dạng khuỷu tay (co L), có cổng Luer lock <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVC và PE y tế - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	1.787
375	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm dây nối bóng giúp thở, người lớn	<p>Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm dây nối bóng giúp thở, người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm : + 2 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng). Chiều dài kéo dẫn mỗi dây ít nhất 1.5 m, đường kính mỗi dây 22 mm. + 01 co chữ Y + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mm + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m, hai đầu có co 22 mm + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L), có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	9.000
376	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn	<p>Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm: + 2 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng), kết nối với co chữ Y, đường kính mỗi dây 22 mm, chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.5 m. + Co nối dạng khuỷu tay (co L) có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	26.692

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
377	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	<p>Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm: + 2 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng), kết nối với co chữ Y, đường kính mỗi dây 15 mm, chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.5 m. + Co nối dạng khuỷu tay (co L) có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 + 01 dây nối dài tối thiểu 0.8 m - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	980
378	Bộ dây thở Mapleson C người lớn	<p>Bộ dây thở người lớn (thể thở Mapleson C)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm + 01 dây thở dài tối thiểu 1.6 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóng giúp thở khoảng 2 - 3 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) + 01 co thẳng nối nguồn oxy, dẻo, mềm, đường kính khoảng 6 - 9 mm - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	120
379	Bộ dây thở Mapleson F trẻ em	<p>Bộ dây thở trẻ em (thể thở Mapleson F)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm + 01 dây thở dài tối thiểu 1.6 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóng giúp thở khoảng 0.5 - 1 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) + 01 co thẳng nối nguồn oxy, dẻo, mềm, đường kính khoảng 6 - 9 mm - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
380	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	<p>Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn, 2 đường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Bộ đo bao gồm: bộ dây truyền tĩnh mạch chia đôi, 02 bộ cảm biến đo áp lực kèm 02 dây cáp, 02 dây nối chịu áp lực, chiều dài mỗi dây ít nhất 120 cm, 04 khóa ba ngã. - Phạm vi đo áp lực khoảng -50 - +300 mmHg - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy monitor EV1000 tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	110
381	Bộ đón bé chào đời	<p>Bộ đón bé chào đời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ đón bé bao gồm: + 01 Áo sơ sinh dài tay, kích thước: dài 27 cm, rộng 27 cm, tay dài 18 cm, có dây cột ngang áo + 01 Tã vải có miếng dán để cố định phía trước bụng (chiều dài từ phía trước ra sau 33 cm, chiều rộng mặt lưng 30 cm, chiều rộng mặt bụng 16 cm, chiều rộng đáy 10 cm) + 01 Nón: phần đầu 16 x 16 cm, phần thun 5 x 16 cm + 02 Bao tay: 7 x 8 cm, phần thun 3 x 5 cm + 02 Bao chân: rộng 9 cm, cao 4 cm, bàn chân 10 cm, phần thun 3 x 4 cm + 01 Khăn lông quần bé 70 x 140 cm + 02 Khăn sữa 25 x 30 cm, 2 - 3 lớp + 01 Khăn thấm 80 x 100 cm (tối thiểu 60 gsm), chất liệu vải siêu thấm - Chất liệu: cotton, các phần bo bằng chất liệu thun - Tất cả kích thước sai số cho phép ± 5% - Lưu ý: * Logo bệnh viện ĐHYD TPHCM được in/thêu trên nón, áo và khăn bông quần bé màu xanh dương; * Gồm màu xanh dương và màu hồng * Không ra màu khi ngâm nước - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	10.200
382	Bộ gây tê đám rối thần kinh, dưới siêu âm, cỡ 18G dài khoảng 50 - 100 mm	<p>Bộ gây tê đám rối thần kinh, dưới siêu âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gây tê bao gồm: * Kim cỡ 18G dài khoảng 50 - 100 mm, bằng thép không gỉ * Catheter cỡ 20G dài khoảng 50 - 90 cm, bằng polyamid, dụng cụ cố định catheter với bộ lọc, kẹp nối catheter, bộ lọc có kích thước khoảng 0.1 - 0.2 μm, dây nối tiêm thuốc. - Đặc điểm: Kim đầu tù, hiển thị dưới siêu âm, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. Catheter cản quang, có vạch đánh dấu độ dài, lỗ mở trung tâm cho phép dòng chảy liên tục - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	170

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
383	Bộ gậy tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống, cỡ 18G	<p>Bộ gậy tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gậy tê bao gồm: * Kim gậy tê ngoài màng cứng bằng thép không gỉ, đầu cong cỡ 18G, dài khoảng 85 - 90 mm * Kim gậy tê tủy sống bằng thép không gỉ, cỡ 27G, dài khoảng 120 - 130 mm, chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh * Catheter cỡ 20G, bằng polyamid, không bị gãy gập, dài khoảng 1000 - 1200 mm, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μm kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	3.700
384	Bộ gậy tê ngoài màng cứng, cỡ 18G	<p>Bộ gậy tê ngoài màng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gậy tê bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài khoảng 80 - 90 mm * Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài khoảng 1000 - 1200 mm, đầu thuôn nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μm kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	2.300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
385	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo	<p>Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm + Có bao phủ chỉ + Có túi chứa dịch lỏng với màng lọc và ống nối + Có băng keo y tế - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 180 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 180 cm, chiều dài toàn bộ khăn 240 cm - Có lỗ tròn khoảng 7 - 8 cm - Có màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính, lỗ bầu dục 8 x 5 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	1.000
386	Bộ khăn chụp mạch não	<p>Bộ khăn chụp mạch não</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ khăn bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) + 1 khăn chụp mạch máu có 3 lỗ và có túi chứa dịch: * Kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS tối thiểu 30 gsm và gia cố vải bán thấm tối thiểu 100 gsm * 02 lỗ đui đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * Túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng khoảng 25 - 35 cm, dài khoảng 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160 cm, chất liệu vải không dệt SMMMS tối thiểu 30 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 100 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 khay lớn 35 x 43 x 11 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 2 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton khoảng 8 - 12 lớp + 1 kim chích 23G, 1 kim chích 18G + 2 que thấm betadine dài 19 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Bộ	5.400

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
387	Bộ khăn chụp mạch vành	<p>Bộ khăn chụp mạch vành, - Bộ khăn bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) + 1 khăn chụp mạch máu có 3 lỗ và có túi chứa dịch * Kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS tối thiểu 30 gsm và gia cố vải bán thấm tối thiểu 100 gsm * 02 lỗ đùi đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * Túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng khoảng 25 - 35 cm, dài khoảng 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160 cm, chất liệu vải không dệt SMMMS tối thiểu 30 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 100 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 1 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton khoảng 8 - 12 lớp + 1 kim chích 23G + 1 kim chích 18G + 2 que thấm betadine 19 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm còn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Bộ	5.000
388	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng	<p>Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng - Bộ khăn bao gồm: * 1 khay có 4 ngăn chứa dung dịch * 3 - 4 miếng gạc không dệt, khoảng 8 - 10 lớp * 5 - 6 gòn viên, đường kính khoảng 3 - 4 cm * 1 kẹp bông sát khuẩn, dài khoảng 19 - 20 cm * 1 khăn có lỗ tròn 8 cm, 100 x 100 cm, chất liệu vải bán thấm * 1 khăn thấm 33 x 40 cm * 1 khăn trải bàn dụng cụ - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)</p>	Bộ	12.000
389	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	<p>Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn mổ thận lấy sỏi qua da 200 x 270 cm + 1 Khăn có keo 80 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Bao chụp đầu đèn, kích cỡ L, đường kính khoảng 75 - 80 cm + Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính + Túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nối - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Cấu tạo lỗ 15 x 15 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016</p>	Bộ	160

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
390	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	<p>Bộ khăn phẫu thuật ghép gan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 4 Khăn thấm 35 x 40 cm * 1 Khăn phủ bàn Mayo 60 x 145 cm, được cấu tạo từ màng plastic màu và được gia cố lớp bán thấm tối thiểu 60 gsm * 1 Khăn phẫu thuật ghép gan có kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 285 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 200 cm, chiều dài toàn bộ khăn 380 cm, vùng phẫu trường 50 x 80 cm, có vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới và có dán băng keo y tế. * 4 khăn có keo 100 x 120 cm * 1 túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn * 2 túi kim chỉ: bằng nhựa trong, có 2 ngăn, 30 x 40 cm * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	60
391	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan	<p>Bộ khăn phẫu thuật hiển tạng (gan, thận)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm <ul style="list-style-type: none"> * 3 Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 240 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 4 Khăn thấm 35 x 40 cm * 1 Khăn phủ bàn Mayo 60 x 145 cm, được cấu tạo từ màng plastic màu và được gia cố lớp bán thấm tối thiểu 60 gsm * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 4 khăn có keo 100 x 120 cm, * 2 Khăn phủ 200 x 250 cm, vùng xung quanh phẫu trường kích thước 40 x 30 cm với chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 2 Khăn phủ bên 90 x 100 cm * 1 túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn, * 1 túi kim chỉ: bằng nhựa trong, có 2 ngăn, 30 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	210

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
392	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành - Bộ khăn bao gồm: + 2 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 60 gsm) + 1 khăn trải bàn dụng cụ 150 x 200 cm + 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm + 6 khăn có keo 110 x 170 cm + 1 khăn phủ đầu 230x 280 cm (Trong đó vải không dệt 170 x 280 cm, nylon trong suốt 60 x 280 cm) + 1 khăn phủ chân 300 x 330 cm + 2 khăn phủ bên 110 x 170 cm (Trong đó phần vải chống thấm kích thước 40 x 170 cm) + 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm + 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm + 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100 x 200 cm + 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn: nhựa trong + 1 túi kim chỉ 20 x 30 cm: nhựa trong + 2 băng keo 10 x 50 cm + 1 khăn trải bàn 150 x 200 cm: nhựa trong. + 4 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm - Chất liệu bằng vải không dệt SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm, chống tĩnh điện - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	310
393	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ khăn phẫu thuật mắt - Bộ khăn bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 50 x 80 cm 1 Khăn phẫu thuật mắt 100 x 100 cm, có túi chứa dịch và màng phẫu thuật - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn bằng đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Bộ	2.800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
394	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối	<p>Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải không dệt ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Khăn nội soi khớp gối 240 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm). Vùng phẫu trường có lỗ đàn hồi đường kính 8 cm, vùng xung quanh phẫu trường chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có túi chứa dịch hình chữ V tối thiểu 50 lít, có nút xả dịch. * 2 khăn phủ 160 x 200 cm * 1 khăn tiếp cận 90 x 100 cm * 2 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm * 1 Bao chỉ dưới 28 x 80 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	1.700
395	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	<p>Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Khăn U nhựa 160 x 230 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm), rãnh hình chữ U 12 x 75 cm có dán băng keo y tế * 1 Khăn nội soi khớp vai 200 (rộng) x 320 cm, màng film PE trong, có túi chứa dịch hình chữ V tối thiểu 50 lít, có nút xả dịch. * 2 khăn phủ 160 x 200 cm * 1 khăn tiếp cận 90 x 100 cm * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 1 Bao chỉ trên 23 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	1.400

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
396	Bộ khăn phẫu thuật sọ	<p>Bộ khăn phẫu thuật sọ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải không dệt ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Khăn phẫu thuật sọ 250 x 360 cm, vùng phẫu trường 20 x 25 cm với màng phẫu thuật, vùng xung quanh phẫu trường vải siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, kích thước 60 x 120 cm. Túi chứa dịch hình chữ V tối thiểu 50 lít, có nút xả dịch (không có dây, miệng túi 120 cm, cao 45 cm) * 2 khăn phủ 165 x 200 cm * 1 Khăn đa dụng 70 x 160 cm * 4 Khăn có keo 80 x 100 cm * 1 túi đựng dụng cụ * 1 Băng keo 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	1.400
397	Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn	<p>Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> 2 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm (chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 60 gsm) 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm 5 khăn có keo 110 x 170 cm 1 khăn phủ đầu 230 x 280 cm (Trong đó vải không dệt 170 x 280 cm, nylon trong suốt 60 x 280 cm) 1 khăn phủ chân 300 x 330 cm 2 khăn phủ bên 110 x 170 cm (Trong đó phần vải chống thấm kích thước 40 x 170 cm) 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 2 khăn không keo 100 x 200 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn, nhựa trong 1 túi kim chỉ 20 x 30 cm 2 băng keo 10 x 50 cm 4 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100 x 200 cm, nhựa trong - Chất liệu vải không dệt SMMMS, chống tĩnh điện, chống thấm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 1345:2016 	Bộ	950

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
398	Bộ khăn phẫu thuật tim hờ trẻ em	<p>Bộ khăn phẫu thuật tim hờ trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ khăn bao gồm: 2 khăn phủ bàn dụng cụ 200 x 300 cm (chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 60 gsm) 1 khăn phủ vùng sinh dục 12 x 20 cm 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn, nhựa trong 2 băng keo 10 x 50 cm 2 khăn phủ bên 100 x 150 cm (Trong đó phần vải chống thấm kích thước 40 x 150 cm) 1 khăn phủ dưới chân 300 x 330 cm 1 khăn phủ trên đầu 230 x 280 cm (Trong đó vải không dệt 170 x 280 cm, nylon trong suốt 60 x 280 cm) 5 khăn có keo 100 x 150 cm 4 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 200 cm, nhựa trong 1 khăn không keo 100 x 150 cm 1 túi kim chỉ 20 x 30 cm - Chất liệu vải không dệt, không thấm, chống tĩnh điện - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 1345:2016 	Bộ	400
399	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	<p>Bộ khăn phẫu thuật tổng quát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trái bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm * 4 khăn phủ có keo 80 x 100 cm * 1 Khăn phủ đầu 200 x 250 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bánh siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 2 Khăn phủ bên 100 x 120 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bánh siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 1 Khăn phủ chân 200 x 260 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bánh siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới. * 1 Túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn * 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, dính * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp. 	Bộ	2.800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
400	Bộ khăn sanh mổ có túi	<p>Bộ khăn sanh mổ có túi</p> <p>Bộ khăn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) - 1 Khăn sanh mổ có túi chứa dịch: + khăn sanh mổ: * Kích thước 240 x 455 cm * Chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm chi thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có vùng thấm hút đặc biệt xung quanh phẫu trường + Màng phẫu thuật: * Kích thước 30 x 32 cm * Chất liệu Polyurethane mỏng dẻo, dính + Túi chứa dịch * kích thước 75 x 105 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 2 Khăn lót nôi 100 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 4 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - 2 Khăn em bé 90 x 120 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	6.500
401	Bộ khăn sanh thường	<p>Bộ khăn sanh thường</p> <p>- Bộ khăn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 khăn trải bàn dụng cụ 120 x 140 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) - 2 tấm phủ 80 x 100 cm, chất liệu vải SMMMS tối thiểu 30 gsm, có băng keo y tế không dị ứng da - 1 khăn trải dưới mông có túi chứa dịch: + kích thước khăn 80 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm + túi chứa dịch: * kích thước 55 x 80 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 3 khăn lót bán thấm 80 x 80 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 1 khăn lót bán thấm 60 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 2 khăn lau bé 80 x 80 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Bộ	4.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
402	Bộ khăn phụ khoa	Bộ khăn phụ khoa - Bộ khăn bao gồm: - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 40 gsm) - 1 Khăn phụ khoa có lỗ và túi chứa dịch: + Khăn phụ khoa có lỗ: * kích thước khăn: - chiều ngang phần trên (từ rốn lên đầu) 180 cm - chiều ngang phần dưới (từ rốn trở xuống) 230 cm - chiều dài toàn bộ khăn 240 cm * chất liệu khăn bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm * có băng keo y tế không dính cố định xung quanh lỗ, đường kính 15 cm + túi chứa dịch: * kích thước 58 x 64 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - 1 Băng keo y tế cố định ống dây, kích thước 10 x 50 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Các đường nối được ép chắc chắn - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Bộ	1.000
403	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế - Chất liệu silicon - Đường kính ống 24Fr - Chiều dài 225mm \pm 2mm - Dung tích bóng tối thiểu 10ml - Có vạch đánh dấu trên ống cách bóng tối thiểu 2 cm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016	Cái	15
404	Bộ mở dạ dày qua da bằng silicon	Bộ mở dạ dày qua da - Chất liệu bằng silicon - Bộ mở bao gồm: + Ống nuôi ăn ≥ 24 Fr + Dao mổ số 11 + Kim chọc/ luồn + Miếng dán cố định + Dụng cụ kẹp ống - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016	Bộ	90

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
405	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 16 Fr, 18 Fr	<p>Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ ống thông bao gồm: * 01 ống thông tiểu 2 nhánh có bóng dung tích tối thiểu 5 ml * 01 cây chọc dò trocar * 01 lưỡi dao - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ tối thiểu phải có 16, 18 Fr - Chiều dài khoảng 35 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Bộ	100
406	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi	<p>Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được ≥ 90 lần - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tương thích "Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm" tại danh mục mời thầu - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	30
407	Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng	<p>Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng, hiển thị hình ảnh trực tiếp khi được kết nối với bộ xử lý hình ảnh</p> <p>Bao gồm tay cầm điều khiển và phần thân ống soi</p> <p>Tay cầm bao gồm 3 cổng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một cổng kênh làm việc • Một cổng hút • Một cổng tưới <ul style="list-style-type: none"> - Hướng quan sát nhìn thẳng - Trường quan sát khoảng 110 - 120 độ - Đường kính đầu ống soi khoảng 3 - 4 mm - Đường kính thân ống soi khoảng 3 - 4 mm - Đường kính kênh làm việc khoảng 1 - 1.5 mm - Khả năng uốn cong khoảng 20 - 30 độ - Chiều dài làm việc khoảng 210 - 215 cm - Dụng cụ đi kèm 1 cổng chữ Y - Tương thích hệ thống nội soi đường mật tại bệnh viện - Tương thích hệ thống nội soi đường mật qua ERCP M00546650 - Eercon Technologies - Mỹ, 2301706936 - Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) 	cái	9
408	Bóng gây mê 0.5 lít, 1 lít, 2 lít và 3 lít, dùng 1 lần	<p>Bóng gây mê</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa y tế, không Latex - Các cỡ 0.5 lít, 1 lít, 2 lít và 3 lít - Co nối đường kính 22 mm - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	60

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
409	Bóng kéo sợi 3 kênh dùng kéo sợi ống mật chủ	<p>Bóng kéo sợi 3 kênh dùng để kéo sợi ống mật chủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bóng bằng latex hoặc không latex - Có 3 kênh làm việc: dây dẫn, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cản quang - Đường kính bóng tối đa 20 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) - Xuất xứ: nhóm nước G7</p>	Cái	90
410	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 8, 10, 12 mm	<p>Bóng nong đường mật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Pebax, không thấm nước - Đường kính dây dẫn bóng khoảng 7 - 8 Fr - Chiều dài làm việc khoảng 160 - 180 cm - Chiều dài bóng khoảng 5 - 6 cm - Có đánh dấu cản quang trên bóng nong - Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ, nong khoảng 6 - 8 mm, khoảng 8 - 10 mm, khoảng 10 - 12 mm - Luồn dây dẫn đường kính tối thiểu 0,025" - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	30
411	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7.5 Fr, dài ≥ 110 cm	<p>Catheter đo cung lượng tim liên tục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyvinylchlorua (PVC) - Kích cỡ 7.5 Fr, dài ≥ 110 cm - Đo các chỉ số CCO/SVO2/RV/EDV - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body)</p>	Cái	90
412	Điện cực dán theo dõi độ mê, dùng cho người lớn	<p>Điện cực dán theo dõi độ mê, dùng cho người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 28 ± 01 cm - Trọng lượng khoảng 3 - 4 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA hoặc module theo dõi độ mê BISx LOC2 CHANNEL (Model 186-0195-NK) tại Bệnh viện - Chứng nhận ISO 13485:2016 	Cái	500

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
413	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo - Thành phần trong 50 ml (Sai số cho phép $\pm 5\%$): + Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1.6% + Sodium chondroitin sulphate 2% + Calcium chloride dihydrate 0.87% + Nước tinh khiết 100% - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Ống	210
414	Catheter lấy huyết khối, các cỡ từ 2 đến 7 Fr	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: catheter bằng pebax, bóng bằng cao su - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ tối thiểu phải có 2, 3, 4, 5, 6, 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng khoảng 4.5 - 14 mm - Thể tích bóng khoảng 0.05 - 1.8 ml - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	115
415	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch bằng pebax, đường kính khoảng 6 - 14 mm	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: catheter bằng pebax, bóng bằng cao su - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ tối thiểu phải có 3, 4, 5, 6, 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng khoảng 6 - 14 mm - Thể tích bóng khoảng 0.2 - 1.8 ml - Dây dẫn khoảng 0.018 - 0.038" - Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
416	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da - Chất liệu bằng nhựa, cứng, chống gập khúc - Bề mặt nhẵn giảm sang chấn khi thao tác - Chiều dài ống nong: 20 - 22 cm - Dạng thẳng uốn cong - 1 đầu thuôn dần để nong rộng đường hầm, 1 đầu tương thích với bơm tiêm dùng để bơm hoặc hút dịch - Tương thích dây dẫn tối thiểu 0.032" - Có đủ các cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18 Fr - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
417	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, đơn sợi, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9 - 9.3 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9 - 9.3 mm, đường kính ≤ 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ 	Tép	252
418	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton	<p>Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	1.200
419	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton	<p>Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Ống	1.200
420	Chỉ khâu không tiêu, bằng nylon, đơn sợi, số 10-0, dài ≥ 30 cm, 2 kim, 3/8 C	<p>Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, khâu kết mạc, giác mạc và củng mạc</p> <p>Chỉ bằng nylon, số 10-0, dài ≥ 30 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 kim hình thang, bằng thép không gỉ, 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	120
421	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 16 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 3 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay hoặc sửa van động mạch chủ, van hai lá hoặc van ba lá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE 3 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	60

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
422	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	216
423	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C - Miếng đệm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	72
424	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	126
425	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C, miếng đệm 7 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE, 7 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	72
426	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	276

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
427	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Miếng đệm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	150
428	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm 6 x 3 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Miếng đệm mềm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	120
429	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi bằng polyester, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, 25 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 7 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polyester, số 2-0, dài ≥ 90 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), độ bền kéo chỉ tối thiểu 32N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm 3 x 7 mm - Tiệt khuẩn - Đóng gói: 01 tép tối thiểu 10 sợi (tối thiểu 5 sợi xanh, tối thiểu 5 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	60
430	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi bằng polyester, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, 18 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 5 mm	<p>Chỉ khâu không tiêu, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polyester, số 2-0, dài ≥ 90 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), độ bền kéo chỉ tối thiểu 32 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 18 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm 3 x 5 mm - Tiệt khuẩn - Đóng gói: 01 tép tối thiểu 10 sợi (tối thiểu 5 sợi xanh, tối thiểu 5 sợi trắng) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	60

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
431	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.800
432	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn, đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.420
433	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.044
434	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	1.692
435	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, 18 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 18 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	216
436	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG)	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.743

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
437	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	6.276
438	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.232
439	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	360
440	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	540
441	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17.5 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	108
442	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	468

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
443	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.924
444	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 12.5 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	108
445	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 10 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thân nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.340
446	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	216
447	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thân nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	408
448	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene chất phủ polyethylene glycol, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.872

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
449	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.376
450	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, đường kính ≤ 0.36 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	972
451	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.908
452	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, chỉ dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	540
453	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.260
454	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 9 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.672

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
455	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, 10 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	216
456	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.592
457	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 6 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.836
458	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim, dài 6.5 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 6.5 mm, đường kính ≤ 0.16 mm, 3/8 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	192
459	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng isotactic polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, 6.4 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Isotactic polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1N - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 6.4 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	72
460	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, đường kính kim ≤ 1.28 mm, 1/2 C, phủ silicon, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	554

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
461	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 45 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 45 mm, 1/2 C, đường kính kim ≤ 1.28 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.025
462	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	288
463	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	144
464	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 60 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	1.512
465	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 70 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	12.624
466	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	38.832
467	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
468	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 9 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	7.164
469	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	3.125
470	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 12 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	584
471	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polyamid, số 9-0, dài ≥ 10 cm, 1 kim, dài 5.1 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 9-0, dài ≥ 10 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 5.1 mm, 3/8 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.11 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	168
472	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 1, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	6.456
473	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	5.544

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
474	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn, đầu tròn thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 25 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.67 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	5.304
475	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	11.998
476	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	10.908
477	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.67 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	10.992
478	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.824
479	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 4-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	240

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
480	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 5-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	192
481	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	4.356
482	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 50 mm, kim 29G, 40 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 50 mm, thời gian tiêu tối thiểu 06 tháng - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 29G, dài 40 mm, chỉ trơn không gai, chạy dọc thẳng thân kim - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Hạn dùng ≥ 24 tháng	Cây	38.600
483	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 70 mm, kim 29G, 50 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 70 mm, thời gian tiêu tối thiểu 06 tháng - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 29G, dài 50 mm, chỉ trơn không gai, chạy dọc thẳng thân kim - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Hạn dùng ≥ 24 tháng	Cây	3.300
484	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài ≥ 30 mm, kim 31G, 30 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 30 mm, thời gian tiêu tối thiểu 06 tháng - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 31G, dài 30 mm, chỉ trơn không gai, chạy dọc thẳng thân kim - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Hạn dùng ≥ 24 tháng	Cây	38.300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
485	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	<p>Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chỉ Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 180 mm - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ gai đúc - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	560
486	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 0, dài ≥ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	<p>Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ Polydioxanone, số 0, dài ≥ 180 mm, chỉ gai đúc - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, phủ silicon - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	200
487	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da, số 5-0, dài ≥ 70 mm, kim 27G, dài 40 mm	<p>Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 5-0, dài ≥ 70 mm, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, 27G hoặc 29G, dài chỉ tối thiểu 30 mm, phủ silicon - Tiết - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	200
488	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 90 mm, kim 29G, dài 60 mm	<p>Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 90 mm - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, dài 60 mm, 29G - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	500
489	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	<p>Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 50 mm - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, dài 38 mm, 29G - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cây	800
490	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 1-0, dài ≥ 30 mm, 19G	<p>Chỉ khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi, số 1-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 19G, dài 40 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 	sợi	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
491	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 40 mm, 29G	Chỉ khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi, số 6-0, dài ≥ 40 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 29G, dài 30 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	sợi	160
492	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 60 mm, 29G	Chỉ khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi, số 6-0, dài ≥ 60 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 29G, dài 40 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	sợi	60
493	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 0, dài ≥ 200 mm, 18G	Chỉ khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi, sợi chỉ có gai, số 0, dài ≥ 200 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	sợi	270
494	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 150 mm, 18G	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Polydioxanone, số 2, chỉ dài ≥ 150 mm - Chỉ gai đều khác với các mẫu gai 2 hướng - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, cỡ 18G - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Sợi	200
495	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 2-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 36 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.727
496	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 26 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 3-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	48
497	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 1, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.012

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
498	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 4-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.100
499	Chỉ khâu tiêu, bằng Polyglecaprone, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 20 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 20 cm, có chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 25 - 30% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn < 120 ngày - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30 - 35%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim, đầu tròn thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	864
500	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 3-0, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài ≥ 30 cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 1.7 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.184
501	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 4-0, dài ≥ 15 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, thời gian giữ vết thương 2 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 0.9 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.560
502	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 30 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ tối thiểu 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	228

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
503	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 75 - 80% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 40 - 50% trong 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	tép	180
504	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	10.490
505	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 1.15 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	6.000
506	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.332
507	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 65 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	2.398

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
508	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 70 - 80% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 40 - 50% trong 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	5.099
509	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 25 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	432
510	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.69 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	8.219
511	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	8.100
512	Chỉ khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 74 N, tiêu hoàn toàn sau 13 tháng - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	12.348

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
513	Chỉ khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 0, chỉ dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N, tiêu hoàn toàn sau 13 tháng - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 43 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.525
514	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 65 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 65 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	378
515	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 26 mm, 1/2 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.67 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ 	Tép	600
516	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, đơn sợi số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone hoặc Polyglyconate, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.46 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ 	Tép	7.743
517	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 60 - 70% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.46 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa. - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	900

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
518	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 210 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.836
519	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 1, dài ≥ 45 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm, lực giữ vết mổ 50 - 55% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	132
520	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng của chỉ đạt 70 - 80% ít nhất 1 tuần, và 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	16
521	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), có gai, hướng gai 1 chiều, 1 đầu có vòng không cần buộc, số 0, dài ≥ 30 cm, thời gian giữ vết thương 3 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 3.9 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	1.132
522	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 2-0, dài ≥ 30 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, thời gian giữ vết thương 3 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 2.6 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	96

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
523	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 24 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn sau 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.727
524	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 36 mm, 1/2 C, đường kính kim ≤ 1.02 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	5.963
525	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.74 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.000
526	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 14 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	659
527	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 13 ngày, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 43 N, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	tép	3.110

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
528	Chỉ khâu tiêu, bằng lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.428
529	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.48mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	5.142
530	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.62mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	4.248
531	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.62mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	12.072
532	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	13.303

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
533	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	6.342
534	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), vòng kim phức hợp, dài 16 mm, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.61 mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	240
535	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.46 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	396
536	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 5-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.46 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	385
537	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.46 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	2.376

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
538	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 5-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, đường kính kim ≤ 0.41 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.344
539	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 11 mm, 3/8 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, 3/8 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.36 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	285
540	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 13 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 0.31 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	60
541	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 70 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon, đường kính kim ≤ 1.02 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	7.735
542	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 30 mm, 1/2 C	<p>Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 30 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	tép	6.654

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
543	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 2-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	3.456
544	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 2-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	2.706
545	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 3-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	4.788
546	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 3-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	4.200
547	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 4-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	768
548	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 5-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - 1 tép tối thiểu 10 sợi - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	588
549	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bảng kén tấm, đa sợi, số 1, dài ≥ 150 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tấm, số 1, dài ≥ 150 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485:2016	Tép	1.680

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
550	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu vàng	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu vàng - Kích thước: dài 45 ± 01 cm, rộng 1.5 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	756
551	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu đỏ	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu đỏ - Kích thước: dài 45 ± 01 cm, rộng 1.5 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.404
552	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu xanh	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu xanh - Kích thước: dài 75 ± 01 cm, rộng 2.5 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	1.656
553	Chỉ thép số 5, dài ≥ 40 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 40 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	456
554	Chỉ thép số 5, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	396
555	Chỉ thép điện cực, số 2-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 2-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 60 mm, thân kim có khắc bẻ để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	180

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
556	Chỉ thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 13 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 51 mm	<p>Chỉ thép điện cực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thân nhọn, dài 13 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 51 mm, phủ silicon, thân kim có khắc bé để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	1.080
557	Chỉ thép số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C	<p>Chỉ thép số 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 1, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	84
558	Chỉ thép số 2, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C	<p>Chỉ thép số 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 2, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Kgf - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	108
559	Chỉ thép số 3, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C	<p>Chỉ thép số 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 3, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	48
560	Chỉ thép số 4, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	<p>Chỉ thép số 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 4, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	180
561	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm	<p>Kẹp mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.9 - 2 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tương thích với kèm kẹp mã số 137081 của hãng Weck tại Bệnh viện - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	7.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
562	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 2.05 - 2.10 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.60 - 3.70 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích với kèm kẹp mã số 137082 của hãng Weck tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	13.860
563	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.0 - 3.2 mm	Kẹp mạch máu cỡ nhỏ - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.0 - 3.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Kẹp hình chữ V - Tương thích với kèm kẹp mã số LX107 của hãng Ethicon tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	4.968
564	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.2 - 4.4 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng kẹp khi mở khoảng 3.4 - 3.6 mm, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.2 - 4.4 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích kèm kẹp mã PL604R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.584
565	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.8 - 5.0 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.8 - 5.0 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 6 - 6.2 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích kèm kẹp mã số FB235R hoặc FB236R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	6.000
566	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.6 - 4.7 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.6 - 4.7 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 3 - 3.05 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 5.80 - 5.90 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích với kèm kẹp mã số 237081 của hãng Weck tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	48.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
567	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.8 - 4.2 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.8 - 4.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 5 - 5.5 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống - Tương thích với kèm kẹp mã số LX207 của hãng Ethicon tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	11.232
568	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 8.20 - 8.25 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng kẹp khi mở 7.20 - 7.25 mm, chiều cao kẹp khi mở 8.20 - 8.25 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích kèm kẹp mã PL606R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.210
569	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.93 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 2.2 - 2.5 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tương thích với kèm kẹp mã số 537081 của hãng Weck tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.080
570	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dao có 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn khoảng 0.025 - 0.035" và cho kênh bơm cản quang - Phủ lớp cách điện ở đoạn đầu dây cắt, đoạn đầu thuôn dài và được đánh dấu cản quang trên dao - Chiều dài dao ≥ 25 mm - Chiều dài đoạn đầu tối thiểu 5 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1700 mm - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Xuất xứ: nhóm nước G7	Cái	140

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
571	Dao mổ điện lưỡng cực trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	<p>Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	242
572	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình nùm dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Dao cắt niêm mạc hình nùm dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dao hình nùm kéo dài hoặc thu ngắn lại được điều khiển bằng tay cầm, và có kênh phun nước - Đường kính dao ≤ 0.7 mm - Chiều dài dao tối thiểu phải có 1.5 mm, 2.0 mm - Chiều cao của nùm khi thu ngắn 0.1 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	6
573	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình tam giác trong nội soi tiêu hóa	<p>Dao cắt niêm mạc hình tam giác dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dao cắt khoảng 4.5 - 4.7 mm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh phun nước - Chiều dài đoạn đầu hình tam giác ≥ 0.4 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ISO 13485:2016 và chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp 	Cái	6
574	Dao hình lưỡi liềm	<p>Dao hình lưỡi liềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, phủ silicon - Độ cứng ≥ 500Hv - Cạnh mài ngang, hai mặt vát, đầu tròn, gập góc - Bề dày lưỡi dao ≤ 0.14 mm - Bề mặt có xử lý chống chói với tỉ lệ phản quang $\leq 6.5\%$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	48

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
575	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ mắt phaco - Chất liệu: bằng thép không gỉ, phủ silicon - Chiều rộng khoảng 2.2 - 3.2 mm (tối thiểu phải có 2.2, 2.8, 3.0, 3.2 mm) - Bề dày lưỡi dao ≤ 0.14 mm - Độ cứng ≥ 500 Hv - Cạnh mài ngang, cấu tạo mặt vát 45 độ, gập góc - Bề mặt lưỡi dao có xử lý chống chói - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.400
576	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	450
577	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi - Kích thước * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tích hợp hàn mô bằng siêu âm và điện lưỡng cực - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích hệ thống máy cắt đốt thunderbeat tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
578	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tích hợp dây dao vào tay dao	<p>Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55.500 Hz</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao bằng hợp kim titan TI-6AL-4V-ELI - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài khoảng 35 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 18 - 20 mm * Đầu dao cong, hàm mở tối đa 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao <ul style="list-style-type: none"> - hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tích hợp dây dao vào tay dao - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	130
579	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	<p>Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, tần số ≥ 55000 Hz</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	200
580	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa	<p>Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính ngoài $19 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Góc vát xiên - Có rãnh cố định thông lọng - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	10
581	Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa	<p>Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng nhựa mềm - Chiều dài từ đầu cuối ống soi $4 \pm 1 \text{ mm}$ - Có lỗ bên - Đường kính ngoài khoảng 11 - 15 mm (tối thiểu phải có 12.4 mm, 15 mm) - Tiệt khuẩn <p>Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp</p>	Cái	910

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
582	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh (dịch, máu) - Bộ phụ kiện bao gồm bình chứa khoảng 110 - 120 ml với bộ lọc khoảng 245 - 250 µm và bộ lọc kỵ nước để loại bỏ khí, cụm đầu 3 dây lấy dịch, bộ trao đổi nhiệt, ngăn áp suất và bộ khử khí, dây nối người bệnh dài khoảng 120 - 140 cm, kèm cổng tiêm - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	45
583	Rọ lấy sỏi qua ống soi mềm, loại nhỏ	Rọ bắt sỏi - Kích cỡ khoảng 1.8 - 2.2 Fr - Chiều dài khoảng 118 - 120 cm - 4 cạnh kim loại, đầu tròn - Tay cầm có nút điều chỉnh ra vào rọ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	170
584	Dây cưa sọ dài trong khoảng 400 - 410 mm	Dây cưa sọ - Bằng thép không gỉ - Dài khoảng 400 - 410 mm - Đường kính khoảng 1.4 - 1.5 mm - Cấu tạo mảnh xoắn uốn cong - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	sợi	140
585	Bộ dẫn truyền năng lượng	Bộ dẫn truyền năng lượng cung cấp năng lượng nhiệt dưới dạng hơi qua các khe phát hơi chính xác tại đầu kim phát hơi trong điều trị tăng sản tuyến tiền liệt lạnh tính. Bao gồm: + 1 Tay cầm + 1 Lọ nước vô trùng tối thiểu 50 ml + 1 Đầu nối gai + 1 bơm tiêm tối thiểu 25ml + 1 bộ dây dẫn truyền và cáp - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	bộ	50
586	Bộ nong cho tán sỏi thận qua da, chiều dài khoảng 18 - 22 cm	Bộ nong cho tán sỏi thận qua da - Chất liệu bằng nhựa - Cỡ 8 - 18 Fr (tối thiểu cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18 Fr) - Bề mặt nhẵn - Chiều dài khoảng 18 - 22 cm - Dạng thẳng uốn cong - 1 đầu thuôn dần để nong đường hầm, 1 đầu tương thích với bơm tiêm để bơm hoặc hút dịch - Tương thích dây dẫn tối thiểu 0.032" - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
587	Trụ dẫn thay thế một phần xương con chụp lên xương bàn đạp	Trụ dẫn thay thế một phần xương con chụp lên xương bàn đạp - Chất liệu Titan - Đường kính đầu khoảng 2.7 - 3.5 mm - Đường kính trục 0.2 mm, Trục tùy chỉnh chiều dài từ 1.8 - 4.4 mm - Có đĩa đo chiều dài xương con đến màng nhĩ làm bằng Polypropylene - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
588	Chỉ khâu không tiêu bằng Polyglycolic acid, số 8-0, dài 30 cm, kim hành thang, dài 6.5 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp - Chỉ bằng Polyglycolic acid, số 8-0, dài ≥ 30 cm - 2 kim hình thang, bằng thép không gỉ, dài 6.5 mm, 3/8 C, đường kính ≤ 0.2 mm, phủ silicon - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	264
589	Chỉ khâu không tiêu bằng Polyglycolic acid, số 6-0, dài 45 cm, kim hành lục giác, dài 8.5 mm, 1/4 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp - Chỉ bằng Polyglycolic acid, số 6-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim hình lục giác, bằng thép không gỉ, dài 8.5 mm, 1/4 C, đường kính ≤ 0.28 mm, phủ silicon - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm Dược phẩm Hoa Kỳ) và chứng nhận CE (Châu Âu)	Tép	24
590	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gập góc đa năng, sử dụng pin, có thể gập góc mỗi bên 55 độ	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gập góc đa năng, sử dụng pin - Kích thước: + Cán dài khoảng 32 - 36 cm + Đường kính thân ≤ 12 mm + Chiều dài hàm 60 mm - Gập góc mỗi bên 55 độ điều chỉnh bằng pin, điều chỉnh góc gập ở bất kỳ điểm nào, xoay bằng ghim 360 độ, thay thế bằng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tự động thu dao sau khi sử dụng - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	150
591	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn), ghim tự tan, tối thiểu 12 ghim/cái	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng polydioxanone và copolyme L(-)-lactid/glycolid - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 40 cm * Đường kính dụng cụ ≤ 5 mm * Chiều dài ghim khoảng 6 - 7 mm - Cấu tạo: * Hệ thống định vị để bắn chính xác * Số lượng ghim tối thiểu 12 ghim/cái - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
592	Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ	<p>Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: + Tay cầm bằng nhựa + Lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước: + Chiều dài đường cắt khoảng 75 - 80 mm + Chiều cao ghim đóng khoảng 1.5 - 2.0 mm - sử dụng được tối thiểu 10 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mô mỡ, cỡ 60, 80 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	45
593	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mô mỡ, cỡ 60, 80 mm	<p>Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mô mỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titan - Chiều dài đường ghim 60, 80 mm - Chiều dài đường cắt khoảng 55 - 77 cm - Chiều cao ghim mở khoảng 3.8 - 4.8 mm - Chiều cao ghim đóng khoảng 1.5 - 2.0 mm - Số lượng ghim tối thiểu 64 ghim - Lưỡi dao nằm trong mỗi băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Cái	200
594	Dao mổ siêu âm dùng trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	<p>Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao dạng móc - Chiều dài khoảng 30 - 35 cm - hàn mạch máu ≤ 2 mm - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ nội soi tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	cái	20
595	Chỉ thép số 7, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	<p>Chỉ thép số 7</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 7, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C, bằng thép không gỉ, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) 	Tép	96

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
596	Keo sinh học, 2 ml, chịu được áp lực ≥ 560 mmHg	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%), tỷ lệ cầm máu tức thì $\geq 80\%$ - Thể tích tối thiểu 2 ml - Gồm bơm tiêm hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 560 mmHg - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	8
597	Keo sinh học, 5 ml, chịu được áp lực ≥ 560 mmHg	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%), tỷ lệ cầm máu tức thì $\geq 80\%$ - Thể tích tối thiểu 5 ml - Cấu tạo bơm tiêm hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 560 mmHg - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	84
598	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, khoảng 70 - 80 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.5 - 1.6 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 70 - 80 mm * Chiều cao của ghim sau đóng khoảng 1.5 - 1.6 mm - Hàm đe có 4 hàng để bấm ghim, ghim 3D - Sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ, 70 - 80 mm" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	250
599	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ, 70 - 80 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 2 hàng ghim mỗi bên, ghim 3D - Kích thước + Chiều dài băng ghim khoảng 70 - 80 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.5 - 1.6 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	900

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
600	Kéo mổ nội soi cong, đường kính thân 5 mm	Kéo mổ nội soi cong - Lưỡi kéo dài khoảng 15 - 17 mm - Đường kính thân 5 mm - Chiều dài thân khoảng 30 - 33 cm - Loại: cong, cán không khóa - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	1.600
601	Kéo mổ nội soi cong, đường kính 5 mm, xoay 360 độ	Kéo mổ nội soi cong - Chiều dài thân khoảng 30 - 33 cm - Đường kính thân 5 mm - Loại: cong sang trái, cán không khóa - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Xoay 360 độ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	600
Tổng cộng: 601 danh mục				